

Số: 707/BQL

Đồng Hới, ngày 20 tháng 05 năm 2026

Về việc công khai dự thảo phương án bồi thường,
hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Hệ thống đường nối
từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại
phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 9)

Kính gửi: UBND phường Đồng Thuận

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định 151/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Quy định mức bồi thường khi nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024; Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/06/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 945/UBND-NNMT ngày 17/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị và Công văn số 1939/SNNMT-QLĐĐ ngày 12/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Căn cứ Công văn số 212/UBND-NNMT ngày 19/1/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Công văn số 273/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/1/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc áp dụng xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 532/UBND-NNMT ngày 09/2/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai công tác quản lý đất đai sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026;

Căn cứ Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 25, 26, 27, 30, 31, 32, 33 xã Lộc Ninh, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 18/10/2023; Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 25, 26, 27, 30, 31, 32, 33 xã Lộc Ninh, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 08/10/2025; Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 199, 208, 209, 210, 211 phường Đồng Thuận, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 12/03/2026;

Căn cứ Thông báo số 123/TB-UBND ngày 05/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 6); Thông báo số 170/TB-UBND ngày 05/9/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại

phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 7); Thông báo số 238/TB-UBND ngày 16/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 8);

Căn cứ Thông báo số 808/TB-UBND ngày 23/03/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 123/TB-UBND ngày 05/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 6); Thông báo số 809/TB-UBND ngày 23/03/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 238/TB-UBND ngày 16/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 8); Thông báo số 810/TB-UBND ngày 23/03/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 170/TB-UBND ngày 05/09/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 7);

Căn cứ Công văn số 545/UBND ngày 09/6/2025 của UBND xã Lộc Ninh về việc xác định hiện trạng, thông tin địa chính của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thu hồi đất thuộc Dự án: Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới (đoạn 2: Từ đường Cao Thắng đến cổng sân bay Đồng Hới); Công văn số 385/UBND-KTHT&ĐT ngày 31/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc, sai khác số tờ, số thửa, tăng giảm diện tích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thuộc dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới; Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc, sai khác số tờ, số thửa, tăng giảm diện tích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thuộc dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 514/UBND-KTHT&ĐT ngày 24/09/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm do GPMB dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 7);

Căn cứ Công văn số 1446/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/05/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc hình thành tài sản của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 9);

Căn cứ Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 của Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới; Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 của Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 28/08/2025, 06/5/2026 và ngày 07/5/2026 về việc xác định tài sản xây dựng có một phần nằm trong phạm vi và một phần nằm ngoài phạm vi thu hồi đất có đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật hay không để thực hiện bồi thường toàn bộ hoặc cho phép tồn tại, sử dụng khi thu hồi đất để GPMB thực hiện công trình Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị;

Đề thực hiện đúng quy trình theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội, hoàn thiện phương án bồi thường đúng chính sách chế độ quy định hiện hành của Nhà nước, Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới thông báo công khai cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 9). *(có phương án dự thảo kèm theo)*

Địa điểm niêm yết công khai: Tại trụ sở UBND phường Đồng Thuận, địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất thu hồi, cổng thông tin điện tử của UBND phường Đồng Thuận và gửi trực tiếp đến đối tượng bị ảnh hưởng.

Các kiến nghị, đề xuất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng gửi trực tiếp cho Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới (gửi đồng chí Nguyễn Quang Huy – SĐT: 0837.95.7373 tại Trụ sở UBND phường Đồng Hới, địa chỉ: 88 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới) chậm nhất đến ngày 29/05/2026. Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới sẽ tiến hành kiểm tra, hoàn thiện phương án bồi thường và trình Hội đồng thẩm định phê duyệt theo quy định.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Tổ trưởng TDP nơi có đất thu hồi; (p/h)
- Đối tượng bị ảnh hưởng;
- Lưu: GPMB, VT.

PHÓ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương Giang

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Dự án: Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới (đợt 9)

Địa điểm: Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Công văn số: 707/BQL ngày 20 tháng 05 năm 2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới)

I. CÁC CĂN CỨ CHUNG:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định 151/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Quy định mức bồi thường khi nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024; Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/06/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 945/UBND-NNMT ngày 17/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị và Công văn số 1939/SNNMT-QLĐĐ ngày 12/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Căn cứ Công văn số 212/UBND-NNMT ngày 19/1/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Công văn số 273/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/1/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc áp dụng xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 532/UBND-NNMT ngày 09/2/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai công tác quản lý đất đai sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026;

Căn cứ Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 25, 26, 27, 30, 31, 32, 33 xã Lộc Ninh, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 18/10/2023; Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 25, 26, 27, 30, 31, 32, 33 xã Lộc Ninh, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 08/10/2025; Bảng thống kê kết quả đo đạc kèm theo chỉnh lý địa chính tờ BĐĐC số 199, 208, 209, 210, 211 phường Đồng Thuận, tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 12/03/2026;

Căn cứ Thông báo số 123/TB-UBND ngày 05/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 6); Thông báo số 170/TB-UBND ngày 05/9/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 7); Thông báo số 238/TB-UBND ngày 16/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 8);




Căn cứ Thông báo số 808/TB-UBND ngày 23/03/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 123/TB-UBND ngày 05/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 6); Thông báo số 809/TB-UBND ngày 23/03/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 238/TB-UBND ngày 16/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 8); Thông báo số 810/TB-UBND ngày 23/03/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 170/TB-UBND ngày 05/09/2025 của UBND phường Đồng Thuận về Thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 7);

Căn cứ Công văn số 545/UBND ngày 09/6/2025 của UBND xã Lộc Ninh về việc xác định hiện trạng, thông tin địa chính của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thu hồi đất thuộc Dự án: Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới (đoạn 2: Từ đường Cao Thắng đến cổng sân bay Đồng Hới); Công văn số 385/UBND-KTHT&ĐT ngày 31/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc, sai khác số tờ, sổ thửa, tăng giảm diện tích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thuộc dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới; Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc, sai khác số tờ, sổ thửa, tăng giảm diện tích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thuộc dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 514/UBND-KTHT&ĐT ngày 24/09/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm do GPMB dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 7);

Căn cứ Công văn số 1446/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/05/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc xác nhận nguồn gốc hình thành tài sản của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 9);

Căn cứ Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 của Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới; Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 của Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận về việc xác định tài sản nhà kho, công trình xây dựng có một phần nằm trong phạm vi và một phần nằm ngoài phạm vi bị phá dỡ một phần mà phần còn lại không còn sử dụng được do không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật hay vẫn tồn tại, tiếp tục sử dụng do GPMB thực hiện công trình Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới;

Căn cứ Công bố số 3408/CB-SXD ngày 08/5/2026 của Sở Xây dựng về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình tháng 4 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 28/08/2025, 06/5/2026 và ngày 07/5/2026 về việc xác định tài sản xây dựng có một phần nằm trong phạm vi và một phần nằm ngoài phạm vi thu hồi đất có đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật hay không để thực hiện bồi thường toàn bộ hoặc cho phép tồn tại, sử dụng khi thu hồi đất để GPMB thực hiện công trình Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường GPMB và các hồ sơ liên quan.

II. NỘI DUNG:

a) Tổng diện tích đất thu hồi: 1.701,7 m²

Trong đó:

- Diện tích đất hộ gia đình cá nhân sử dụng nằm trong phạm vi quy hoạch: 1.549,0 m²

+ Đất trồng cây lâu năm (CLN): 1.517,9 m²

+ Đất trồng cây hàng năm khác (HNK): 31,1 m²

- Diện tích đất tổ chức sử dụng thuộc phạm vi quy hoạch: 95,2 m²

+ Đất thương mại, dịch vụ (TMD): 95,2 m²

- Diện tích đất tổ chức quản lý thuộc phạm vi quy hoạch: 57,5 m²

+ Đất bằng chưa sử dụng (BCS): 39,2 m²

+ Đất trồng cây lâu năm (CLN): 18,3 m²

b) Tổng số người có đất bị thu hồi: 46 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không.

d) Phương án bố trí tái định cư: Không.

đ) Phương án di dời mộ mã trong phạm vi đất thu hồi: Không.

e) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.

g) Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: 13.353.273.300 đồng

Trong đó:

+ Bồi thường về đất: 9.169.236.600 đồng

+ Bồi thường tài sản trên đất: 4.154.431.500 đồng

+ Các khoản hỗ trợ: 29.605.200 đồng

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Thời gian thực hiện chi trả tiền: Sau khi có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND phường Đồng Thuận.

- Thời gian bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới thông báo chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lần đầu.

i) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
1	Ông: Trần Khánh Toàn, CCCD số: 044083008448 và bà: Nguyễn Thị Minh Nghĩa, CCCD số: 044187000237 Địa chỉ: 75 Ngô Gia Tự - TDP 11 Nam Lý - phường Đồng Hới Số điện thoại liên hệ: 0947 764 000	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				69.030.000	0	391.000	69.421.000	
						69.030.000	0	391.000		
A	Bồi thường về đất					69.030.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 326(1), TĐĐ 27, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	11,7	5.900.000		69.030.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 27, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 22/4/2025 cho ông, bà Trần Khánh Toàn - Nguyễn Thị Minh Nghĩa và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						0			
-	Hiện trạng không có tài sản						0			
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
2	Ông: Hoàng Xuân Phước, CCCD số: 044076006447 và bà: Đinh Thị Hạnh, CCCD số: 024182001117 Địa chỉ: 57 Võ Xuân Cẩn - TDP 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0976 356 136	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				188.210.000	111.538.200	391.000	300.139.200	
						188.210.000	111.538.235	391.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>188.210.000</u>				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 10-1, TBĐ 209, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	31,9	5.900.000		188.210.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 31, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 08/6/2021 cho ông, bà Hoàng Xuân Phước - Đinh Thị Hạnh và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>111.538.235</u>			
*	Tài sản tạo lập năm 2014, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024; Tài sản nằm ngoài phạm vi thu hồi, bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m KT= 1,7 x 19 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	32,30	1.343.000			43.378.900			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, tô trát hoàn chỉnh KT= 0,5 x 0,5 x 3,6 x 2 trụ	m ³	1,80	8.533.000			15.359.400			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 2,9 x 2,4	m ²	6,96	1.076.000			7.488.960			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 2,3 x 9	m ²	20,70	211.000			4.367.700			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Bình phong xây gạch trang trí hoa văn cầu kỳ, trên gắn đá Granit KT= 2,6 x 2,1	m ²	5,46	1.601.000			8.741.460			Phụ lục I - Mục B - VI - 56, QĐ23/2026
+	Ốp tường đá Granit đỏ Ấn Độ KT= 0,8 x 0,8 x 2 mặt	m ²	1,28	1.318.000			1.687.040			Phụ lục I - Mục B - II - 8.7.1, QĐ23/2026
-	Cột điện trụ BTCT KT= 0,25 x 0,25 x 6 x 1 trụ	m ³	0,375	8.533.000			3.199.875			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026

TT	Họ và tên: Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Mái che lợp tôn, khung sườn sắt, trụ BTCT, nền láng xi măng KT= 5,4 x 5,0 Trong đó: + Trong phạm vi. KT= 1,0 x 5,0 Trong đó: + Ngoài phạm vi. KT= 4,4 x 5,0	m ²	27,00	771.000			20.817.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
	<i>Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 07/05/2026)</i>									
-	Sapochê trồng 4 năm	cây	2,00	755.400			1.510.800			Mục 9.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Nhãn trồng 6 năm	cây	1,00	3.615.900			3.615.900			Mục 8.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ5cm	cây	2,00	685.600			1.371.200			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
3	Ông: Nguyễn Hồng Thê, CCCD số: 044050000800 và bà: Nguyễn Thị Kình, CCCD số: 044152000800 Địa chỉ: 88 Võ Xuân Cẩn - TDP 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0946 871 320	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				369.340.000	120.867.100	782.000	490.989.100	
						369.340.000	120.867.090	782.000		
A	<u>Bồi thường về đất</u>					369.340.000				
	<i>Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024</i>									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 691-1, TBĐ 209, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	25,7	5.900.000		151.630.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	<i>Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 542, tờ bản đồ số 10, được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 24/02/2015 cho ông, bà Nguyễn Hồng Thê - Nguyễn Thị Kình và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận</i>									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 692(1), TĐĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	36,9	5.900.000		217.710.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 692, tờ bản đồ số 31, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 5/4/2022 cho ông, bà Nguyễn Hồng Thê - Nguyễn Thị Kình và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
	Tổng diện tích thu hồi	m ²	62,6							
B	Bồi thường tài sản trên đất						120.867.090			
*	Tài sản tạo lập năm 2013, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024; Tài sản nằm ngoài phạm vi thu hồi, bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15									
	Thửa 691-1, TĐĐ 209									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m KT= 1,7 x 9,5 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	16,15	1.343.000			21.689.450			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
+	Tường sơn không bả tính thêm KT= 1,7 x 9,5 x 2 mặt	m ²	32,30	100.000			3.230.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT tô trát hoàn chỉnh, sơn tường không bả KT= 0,5 x 0,5 x 4 x 2 trụ	m ³	2,00	8.533.000			17.066.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Tường sơn không bả tính thêm KT= 0,5 x 4 x 3 x 2 trụ	m ²	12,00	100.000			1.200.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không ray kéo KT= 2,5 x 2,8	m ²	7,00	1.076.000			7.532.000			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Mái che lợp tôn lạnh, khung vì kèo thép hộp kẽm, trụ BTCT, nền láng xi măng KT= 4,2 x 9,5 Trong đó: + Trong phạm vi. KT= 2,7 x 9,5 Trong đó: + Ngoài phạm vi. KT= 1,5 x 9,5	m ²	39,90	771.000			30.762.900			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 06/05/2026)										
	Thửa 692(1), TĐĐ 31									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m KT= 1,7 x 10,4 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	17,68	1.343.000			23.744.240			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Chuồng gà xung quanh xây đơn giản, sườn gỗ, mái lợp fibro, nền đất KT= 1,5 x 2,5	m ²	3,75	516.000			1.935.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 50.4, QĐ23/2026
-	Giếng khoan sâu 20m (khoan bằng máy), (địa hình đồng bằng) Đơn giá: 7.385.000đ + 370.000đ x 8m (chiều sâu giếng vượt quy định 8m tại mục 2.7 PL IV QĐ 23)	cái	1,00	10.345.000			10.345.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 28.9, QĐ23/2026
-	Măng cầu trồng 5 năm	cây	3,00	206.700			620.100			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ5cm	cây	4,00	685.600			2.742.400			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							782.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	2,00	391.000				782.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
4	Bà: Nguyễn Thị Phương Trang, CCCD số: 044192010189 Địa chỉ: 88 Võ Xuân Cẩn - TDP 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0946 871 320	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				105.610.000	25.702.800	391.000	131.703.800	
						105.610.000	25.702.800	391.000		
A	Bồi thường về đất					105.610.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 693-1, TĐĐ 209, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	17,9	5.900.000		105.610.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 693, tờ bản đồ số 31, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 5/4/2022 cho bà Nguyễn Phương Trang và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						25.702.800			
*	Tài sản tạo lập năm 2013, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
	Thửa 693(1), TĐĐ 31									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m KT= 1,7 x 9 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	15,30	1.343.000			20.547.900			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Chuối chưa có buồng	cây	7,00	66.500			465.500			Mục 4.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Chuối có buồng	cây	2,00	117.100			234.200			Mục 4.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bơ trồng 7 năm	cây	1,00	4.455.200			4.455.200			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
5	Ông: Nguyễn Thanh Chương, CCCD số: 044075012426 và bà: Nguyễn Thị Hợp, CCCD số: 044177007947 Địa chỉ: 42 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0967 374 177	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				290.280.000	166.068.600	391.000	456.739.600	
						290.280.000	166.068.645	391.000		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>290.280.000</u>				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 919-1, TĐĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	49,2	5.900.000		290.280.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 919, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 31/01/2024 cho ông, bà Nguyễn Thanh Chương - Nguyễn Thị Hợp và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>166.068.645</u>			
*	Tài sản tạo lập năm 2015, 2016, 2017 và 2018, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024; Tài sản nằm ngoài phạm vi thu hồi, bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,5m KT= 1,5 x 22,5 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ (chiều cao tường vượt quy định 0,1m)	m ²	33,75	1.241.000			41.883.750			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026






TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Nhà kho móng xây đá hộc, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh, mái lợp fibro, trụ BTCT, nền bê tông láng xi măng, cửa gỗ N3, nhà cao 2,7m KT= 5,7 x 4,1 Trong đó: + Trong phạm vi. KT= 1,7 x 4,1 Trong đó: + Ngoài phạm vi. KT= 4,0 x 4,1	m ²	23,37	1.566.000			36.597.420			Phụ lục I - Mục A - II - 2, QĐ23/2026
<i>Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 06/05/2026)</i>										
-	Cột trụ BTCT KT= 0,25 x 0,25 x 5m x 1 trụ	m ³	0,3125	8.533.000			2.666.563			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Mái che lợp tôn, khung sườn sắt, trụ BTCT, nền bê tông láng xi măng KT= 3,9 x 4,7 Trong đó: + Trong phạm vi. KT= 1,0 x 4,7 Trong đó: + Ngoài phạm vi. KT= 2,9 x 4,7	m ²	18,33	771.000			14.132.430			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
<i>Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 06/05/2026)</i>										
-	Trụ cổng BTCT (1) KT= 0,4 x 0,4 x 2,7 x 2 trụ	m ³	0,864	8.533.000			7.372.512			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm hàn lưới B40 KT= 2,8 x 1,7	m ²	4,76	398.000			1.894.480			Phụ lục I - Mục B - IV - 11, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT (2) KT= 0,4 x 0,4 x 2,5 x 2 trụ	m ³	0,80	8.533.000			6.826.400			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm hàn tôn KT= 2,1 x 1,9	m ²	3,99	550.000			2.194.500			Phụ lục I - Mục B - IV - 12, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT (3) KT= 0,5 x 0,5 x 2,8 x 2 trụ	m ³	1,40	8.533.000			11.946.200			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm hàn sắt đặc hoa văn trên hàn chống nhọt KT= 2,2 x 2,6	m ²	5,72	1.182.000			6.761.040			Phụ lục I - Mục B - IV - 9, QĐ23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Sân bê tông xi măng KT= (2,1 x 1,5) + (2,2 x 1,5)	m ²	6,45	211.000			1.360.950			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Bể chứa nước KT= 2 x 1 x 1	m ³	2,00	1.275.000			2.550.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 16.2, QĐ23/2026
-	Di dời 3 bộ máy xay sát trong kho (tháo, lắp máy)	công	6,00	285.500			1.713.000			Mục 2 - I QĐ78/QĐ-SXD
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	1,00	206.700			206.700			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bơ trồng 7 năm	cây	1,00	4.455.200			4.455.200			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ3cm	cây	3,00	137.000			411.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ5cm	cây	3,00	685.600			2.056.800			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ10cm	cây	2,00	2.742.400			5.484.800			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ15cm	cây	5,00	2.742.400			13.712.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Sanh Φ15cm	cây	3,00	545.000			1.635.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Đỉnh lăng 4 năm	bụi	7,00	29.700			207.900			Mục 10.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
6	Bà: Lê Thị Dời, CCCD số: 044141003519 Địa chỉ: 26 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0914 614 745	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				364.561.000	97.425.400	1.173.000	463.159.400	
						364.561.000	97.425.430	1.173.000		
A	Bồi thường về đất					364.561.000				

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 899-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	7,9	6.490.000		51.271.000				Đường Võ Xuân Cẩn tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 899, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 12/10/2023 cho bà Lê Thị Dời và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 900-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	20,8	5.900.000		122.720.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 900, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 12/10/2023 cho bà Lê Thị Dời và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 902-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	32,3	5.900.000		190.570.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 902, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 12/10/2023 cho bà Lê Thị Dời và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
	Tổng diện tích thu hồi	m²	61,0							
B	Bồi thường tài sản trên đất						97.425.430			
*	Tài sản tạo lập năm 2019, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024; Tài sản nằm ngoài phạm vi thu hồi, bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15									
	Thửa 899-1, TBĐ 210 và Thửa 900-1, TBĐ 210									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Nhà quán trụ BTCT, mái lợp tôn, có xây xung quanh, nền láng xi măng KT= 5,3 x 8,2 Trong đó: + Trong phạm vi. KT= 2,7 x 8,2 Trong đó: + Ngoài phạm vi. KT= 2,6 x 8,2	m ²	43,46	1.493.000			64.885.780			Phụ lục I - Mục B - VI - 51.6, QĐ23/2026
	<i>Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 06/05/2026)</i>									
	Thửa 900-1, TĐĐ 210									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m KT= 1,7 x 2,5 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	4,25	1.343.000			5.707.750			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Chanh trồng 3 năm	cây	1,00	196.000			196.000			Mục 2.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mãng cầu trồng 6 năm	cây	1,00	206.700			206.700			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ3cm	cây	1,00	137.000			137.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ8cm	cây	1,00	685.600			685.600			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
	Thửa 902-1, TĐĐ 210									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m KT= 1,7 x 9 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	15,30	1.343.000			20.547.900			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Mãng cầu trồng 6 năm	cây	2,00	206.700			413.400			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mít trồng 7 năm	cây	1,00	1.818.500			1.818.500			Mục 7.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bơ trồng 2 năm	cây	1,00	366.200			366.200			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ2-4cm	cây	5,00	137.000			685.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ8cm	cây	1,00	685.600			685.600			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mưng Φ20cm	cây	1,00	1.090.000			1.090.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
C	Các khoản hỗ trợ							1.173.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	3,00	391.000				1.173.000		
7	Bà: Nguyễn Thị Tố Uyên, CCCD số: 044172001461 Địa chỉ: 26 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0914 614 745	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				184.080.000	35.664.500	391.000	220.135.500	
						184.080.000	35.664.480	391.000		
A	Bồi thường về đất					184.080.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 901-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	31,2	5.900.000		184.080.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 901, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 28/11/2024 cho bà Nguyễn Thị Tố Uyên và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						35.664.480			
*	Tài sản tạo lập năm 2019, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m KT= 1,7 x 7,6 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	12,92	1.343.000			17.351.560			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Cửa sắt hộp không có ray kéo KT= 2,2 x 1,7	m ²	3,74	1.076.000			4.024.240			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Cột trụ BTCT KT= 0,4 x 0,4 x 3m x 2 trụ	m ³	0,96	8.533.000			8.191.680			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 2,5 x 2,4	m ²	6,00	211.000			1.266.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Móng xây gạch chỉ KT= 0,2 x 1 x 5m	m ³	1,00	2.404.000			2.404.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 7, QĐ23/2026
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	6,00	206.700			1.240.200			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Thanh long trồng 1 năm	bụi	6,00	60.800			364.800			Mục 10.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ2-4cm	cây	6,00	137.000			822.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
8	Ông: Nguyễn Thế Anh, CCCD số: 044083007708 và bà: Lê Thị Mai Trang, CCCD số: 044191002571 Địa chỉ: 34 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0935 584 184	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				145.730.000	98.762.700	391.000	244.883.700	
						145.730.000	98.762.712	391.000		
A	Bồi thường về đất					145.730.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 399(1), TĐĐ 32, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	24,7	5.900.000		145.730.000				Chứng thư định giá đất số 10/CT-BQL
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 399, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 13/07/2023 cho ông, bà Nguyễn Thế Anh - Lê Thị Mai Trang và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						98.762.712			
*	Tài sản tạo lập năm 2017, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,6m KT= 1,6 x 12 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 2 (chiều cao tường vượt quy định 0,2m)	m ²	19,20	1.292.000			24.806.400			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, ốp gạch men Ceramic, trên đồ sần BTCT, trên lợp ngói loại 11v/m ²									
+	Trụ cổng BTCT KT= 0,6 x 0,6 x 4,2 x 2 trụ	m ³	3,024	8.533.000			25.803.792			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Ốp trụ gạch men 600x600 KT= 0,6 x 4 tấm x 3m x 2 trụ	m ²	14,40	344.000			4.953.600			Phụ lục I - Mục B - II - 8.2, QĐ23/2026
+	Sàn BTCT trên lợp ngói loại 11v/m ² trên cổng (mái cổng) KT= 1,6 x 5,7	m ³	9,12	2.008.000			18.312.960			Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 3,3 x 2,8	m ²	9,24	1.076.000			9.942.240			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng, trên lát gạch men 400x400 KT= 2 x 3,3	m ²	6,60	211.000			1.392.600			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch men 400x400 tính thêm KT= 2 x 3,3	m ²	6,60	276.000			1.821.600			Phụ lục I - Mục B - I - 2.1, QĐ23/2026
-	Mãng cầu trồng 5 năm	cây	3,00	206.700			620.100			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Thanh long trồng 3 năm	bụi	8,00	520.090			4.160.720			Mục 10.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Huê Φ25-30cm	cây	2,00	975.300			1.950.600			Mục 8.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Sanh Φ5cm	cây	1,00	42.500			42.500			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Sanh Ø20cm	cây	1,00	545.000			545.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Ø5cm	cây	2,00	685.600			1.371.200			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Ø15cm	cây	1,00	2.742.400			2.742.400			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Đinh lăng trồng 2 năm	bụi	10,00	29.700			297.000			Mục 10.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
9	Ông: Nguyễn Thế Anh, CCCD số: 044083007708 Địa chỉ: 34 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0935 584 184	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				100.890.000	29.589.500	391.000	130.870.500	
						100.890.000	29.589.470	391.000		
A	Bồi thường về đất					100.890.000				
Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024										
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 915-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	17,1	5.900.000		100.890.000				Chứng thư định giá đất số 10/CT-BQL
Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 915, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 12/01/2024 cho ông Nguyễn Thế Anh và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận										
Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới										
B	Bồi thường tài sản trên đất						29.589.470			
*	Tài sản tạo lập năm 2017, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,6m KT= 1,6 x 12 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 2 (chiều cao tường vượt quy định 0,2m)	m ²	19,20	1.292.000			24.806.400			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Bưởi trồng 12 năm	cây	1,00	1.523.400			1.523.400			Mục 1.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mãng cầu trồng 5 năm	cây	2,00	206.700			413.400			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Thanh long trồng 3 năm	bụi	3,00	520.090			1.560.270			Mục 10.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Xoan Ø40cm	cây	1,00	600.400			600.400			Mục 2.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Ø5cm	cây	1,00	685.600			685.600			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							<u>391.000</u>		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
10	Ông: Bùi Văn Trục, CCCD số: 044068009805 và bà: Nguyễn Thị Thu, CCCD số: 044172001630 Địa chỉ: TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0962 347 169	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				149.270.000	21.861.800	391.000	171.522.800	
						149.270.000	21.861.750	391.000		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>149.270.000</u>				
Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024										
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 625-1, TĐĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	25,3	5.900.000		149.270.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 625, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 12/06/2025 cho ông, bà Bùi Văn Trục - Nguyễn Thị Thu và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						21.861.750			
*	Tài sản tạo lập năm 2012, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào xây gạch, đá; tường xây gạch, bổ trụ gạch 220x220. Chiều cao 1,7m, trên có chông sắt cao 1,1m KT= 1,7 x 7,5 Đơn giá: 1.177.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m²	12,75	1.330.000			16.957.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.22, QĐ23/2026
+	Sắt chông nhọn gắn trên tường rào cao 1,1m KT= 1,1 x 7,5 Đơn giá: 676.000đ - 49.000đ x 3 (chiều cao tường thấp hơn so với quy định 0,3m)	m²	8,25	529.000			4.364.250			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.13, QĐ23/2026
-	Mưng Φ10cm	cây	1,00	540.000			540.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
11	Bà: Nguyễn Thị Thanh Duy, CCCD số: 044181005285 Địa chỉ: TDP 7 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0397 428 773	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				189.980.000	29.923.200	391.000	220.294.200	
						189.980.000	29.923.200	391.000		
A	Bồi thường về đất					189.980.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 652(1), TĐĐ 32, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	32,2	5.900.000		189.980.000				Chứng thư định giá đất số 10/CT-BQL

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thừa đất thu hồi thuộc thửa đất số 652, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 07/05/2024 cho bà Nguyễn Thị Thanh Duy và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						29.923.200			
*	Tài sản tạo lập năm 2015, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào xây gạch, đá; tường xây gạch, bô trụ gạch 220x220. Chiều cao 1,6m KT= 1,6 x 13 Đơn giá: 1.177.000đ + 51.000đ x 2 (chiều cao tường vượt quy định 0,2m)	m²	20,80	1.279.000			26.603.200			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.22, QĐ23/2026
-	Chuối chưa có buồng	cây	40,00	66.500			2.660.000			Mục 4.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Chuối có buồng	cây	3,00	117.100			351.300			Mục 4.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mãng cầu trồng 4 năm	cây	1,00	206.700			206.700			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Xoan Φ15cm	cây	3,00	34.000			102.000			Mục 2.D - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
12	Ông: Phan Minh Quốc, CCCD số: 044083000499 và bà: Nguyễn Minh Huệ, CCCD số: 044185012750 Địa chỉ: 44 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0904 199 227	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				112.100.000	38.349.800	391.000	150.840.800	
						112.100.000	38.349.750	391.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
A	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>112.100.000</u>				
	<u>Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024</u>									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 659(1), TĐĐ 32, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	19,0	5.900.000		112.100.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 659, tờ bản đồ số 32, được VPĐKKĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 15/04/2024 cho ông, bà Phan Minh Quốc - Nguyễn Minh Huệ và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>38.349.750</u>			
*	<u>Tài sản tạo lập năm 2010, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024</u>									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,2m KT= 1,2 x 5,7 Đơn giá: 1.190.000đ - 51.000đ x 2 (chiều cao tường thấp hơn so với chiều cao quy định 0,2m)	m ²	6,84	1.088.000			7.441.920			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng xây thường không ốp trang trí KT= 0,3 x 0,3 x 3,5 x 2 trụ	m ³	0,63	2.501.000			1.575.630			Phụ lục I - Mục B - VI - 26, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 4 x 1,5 x 2 cánh	m ²	12,00	1.076.000			12.912.000			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 2 x 4,4	m ²	8,80	211.000			1.856.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Bơ trồng 1 năm	cây	3,00	234.200			702.600			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Măng cầu trồng 3 năm	cây	3,00	120.100			360.300			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Cau vua Φ20cm	cây	5,00	494.300			2.471.500			Mục 8.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ 25cm	cây	1,00	5.484.800			5.484.800			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ 15cm	cây	1,00	2.742.400			2.742.400			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ 8cm	cây	1,00	685.600			685.600			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Mai Φ 5cm	cây	3,00	685.600			2.056.800			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Đinh lăng trồng 3 năm	bụi	2,00	29.700			59.400			Mục 10.F - PL.1, QĐ12/2025
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
13	Ông: Phan Minh Khánh, CCCD số: 044086013379 và bà: Hà Thị Hạnh, CCCD số: 038187051588 Địa chỉ: 44 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0904 199 227	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				83.780.000	33.472.900	391.000	117.643.900	
						83.780.000	33.472.926	391.000		
A	<u>Bồi thường về đất</u>					83.780.000				
Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024										
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 754(1), TBĐ 32, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	14,2	5.900.000		83.780.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
<i>Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 754, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 08/07/2024 cho ông, bà Phan Minh Khánh - Hà Thị Hạnh và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận</i>										
<i>Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới</i>										
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						33.472.926			
*	Tài sản tạo lập năm 2010, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,3m KT= 1,3 x 6,1 Đơn giá: 1.190.000đ - 51.000đ (chiều cao tường thấp hơn so với chiều cao quy định 0,1m)	m ²	7,93	1.139.000			9.032.270			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT KT= 0,4 x 0,4 x 3,6 x 2 trụ	m ³	1,152	8.533.000			9.830.016			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kèm hàn sắt đặc, trên hàn chông nhọn (cửa cổng chính) KT= 3,1 x 1,7	m ²	5,27	1.182.000			6.229.140			Phụ lục I - Mục B - IV - 9, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 3 x 2	m ²	6,00	211.000			1.266.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Bơ trồng 1 năm	cây	2,00	234.200			468.400			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Vú sữa trồng 5 năm	cây	1,00	1.928.600			1.928.600			Mục 12.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Cau vua Φ20cm	cây	1,00	494.300			494.300			Mục 8.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Cau vua Φ>20cm	cây	1,00	494.300			494.300			Mục 8.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ 10cm	cây	1,00	2.742.400			2.742.400			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Nguyệt quế cao > 1m	cây	1,00	987.500			987.500			Mục 14.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
14	Ông: Bùi Phi Dũng, CCCD số: 044078002402 và bà: Hoàng Thị Ngọc Tú, CCCD số: 044178002643 Địa chỉ: 12 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0905 910 385	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				155.760.000	6.501.000	782.000	163.043.000	
						155.760.000	6.501.000	782.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
A	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>155.760.000</u>				
	<i>Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024</i>									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 963-1, TBĐ 211, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	15,2	5.900.000		89.680.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	<i>Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 963, tờ bản đồ số 33, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 10/04/2025 cho ông, bà Bùi Phi Dũng - Hoàng Thị Ngọc Tú và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận</i>									
	<i>Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới</i>									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 964-1, TBĐ 211, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	11,2	5.900.000		66.080.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	<i>Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 964, tờ bản đồ số 33, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 10/04/2025 cho ông, bà Bùi Phi Dũng - Hoàng Thị Ngọc Tú và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận</i>									
	<i>Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới</i>									
	Tổng diện tích thu hồi	m²	26,4							
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>162.644.520</u>			
*	<u>Tài sản tạo lập năm 2018, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024</u>									
	Thửa 963-1, TBĐ 211									
-	Sân bê tông xi măng, trên lát gạch men 400x400 KT= 9 x 1,3	m ²	11,70	211.000			2.468.700			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch men 400x400 tính thêm KT= 4,2 x 1,3	m ²	5,46	276.000			1.506.960			Phụ lục I - Mục B - I - 2.1, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, ốp đá Granit đỏ Ấn Độ, trên đồ sàn BTCT, mái lợp ngói loại 11v/m ²									
+	Trụ cổng BTCT KT= 0,7 x 0,7 x 4m x 2 trụ	m ³	3,92	8.533.000			33.449.360			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
+	Ốp trụ đá Granit đỏ Ấn Độ KT= 0,7 x 4 x 3 x 2 trụ	m ²	16,80	1.318.000			22.142.400			Phụ lục I - Mục B - II - 8.7.1, QĐ23/2026
+	Sàn BTCT trên công trên lợp ngói loại 11v/m ² KT= 2 x 5,2	m ²	10,40	2.008.000			20.883.200			Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm trang trí hoa văn KT= 2,5 x 3	m ²	7,50	1.182.000			8.865.000			Phụ lục I - Mục B - IV - 9, QĐ23/2026
-	Giếng khoan sâu 20m (khoan bằng máy), (địa hình đồng bằng) Đơn giá: 7.385.000đ + 370.000đ x 8m (chiều sâu giếng vượt quy định 8m tại mục 2.7 PL IV QĐ 23)	cái	1,00	10.345.000			10.345.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 28.9, QĐ23/2026
-	Mai Ø3cm	cây	1,00	137.000			137.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Ø5cm	cây	1,00	685.600			685.600			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Hoa giấy cao 1m	cây	1,00	60.000			60.000			Mục 20.F - PL.1, QĐ12/2025
	Thửa 964-1, TĐĐ 211									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch trên không có hoa sắt vuông; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 2,2m, trên đổ sàn BTCT, lợp ngói loại 11v/m ² rộng 0,6m KT= 2,2 x 12 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 8 (chiều cao tường vượt quy định 0,8m)	m ²	26,40	1.598.000			42.187.200			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
+	Sàn BTCT trên lợp ngói loại 11v/m ² trên công KT= 0,6 x 12	m ²	7,20	2.008.000			14.457.600			Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
-	Tranh hoa văn đắp nổi hoa văn xen hạc KT= 1 x 2 x 2 bức	công	4,00	568.000			2.272.000			Mục 2.4 - PL.1 QĐ78/QĐ-SXD
-	Hồ chứa nước đáy BTCT, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh KT= 1,0 x 1,2 x 0,8	m ³	0,96	1.275.000			1.224.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 16.2, QĐ23/2026
-	Măng cầu trồng 4 năm	cây	5,00	206.700			1.033.500			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Cau vua Ø15cm	cây	3,00	309.000			927.000			Mục 8.F - PL.1, QĐ12/2025

Handwritten signatures and initials:

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
C	Các khoản hỗ trợ							782.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	2,00	391.000				782.000		
15	Bà: Hoàng Thị Mai, CCCD số: 044172001306 Địa chỉ: 16 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0385 338 793	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				144.727.000	79.930.300	391.000	225.048.300	
						144.727.000	79.930.268	391.000		
A	Bồi thường về đất					144.727.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 967-1, TBĐ 211, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	22,3	6.490.000		144.727.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 967, tờ bản đồ số 33, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 30/05/2025 cho bà Hoàng Thị Mai và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						79.930.268			
*	Tài sản tạo lập năm 2015, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m, trên gắn lưới B40 cao 1m KT= 1,7 x 13,2 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	22,44	1.343.000			30.136.920			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
+	lưới B40 cọc sắt cao 1m trên tường rào	m	13,20	149.000			1.966.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.5, QĐ23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 1,6 x 2,5 x 2 cánh	m ²	8,00	1.076.000			8.608.000			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, tường ốp gạch men 500x500 KT= 0,5 x 0,5 x 3 x 2 trụ	m ³	1,50	8.533.000			12.799.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Tường ốp gạch men 500x500 KT= 0,5 x 4 mặt x 3 x 2 trụ	m ²	12,00	344.000			4.128.000			Phụ lục I - Mục B - II - 8.2, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng, trên lát gạch men 400x400 KT= 2,3 x 4,2	m ²	9,66	211.000			2.038.260			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch men 400x400 tính thêm KT= 2,3 x 4,2	m ²	9,66	276.000			2.666.160			Phụ lục I - Mục B - I - 2.1, QĐ23/2026
-	Bơ trồng 6 năm	cây	3,00	4.455.200			13.365.600			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ 5cm	cây	3,00	685.600			2.056.800			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Bàn thờ trời tấm đan BTCT, trụ BTCT									
+	Trụ BTCT KT= 0,35 x 0,4 x 1,4	m ³	0,196	8.533.000			1.672.468			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Tấm đan BTCT KT= 0,6 x 0,4 x 0,15 x 2 tấm	m ³	0,072	6.830.000			491.760			Phụ lục I - Mục B - VI - 4, QĐ23/2026
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							<u>391.000</u>		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
16	Ông: Trần Xuân Lộc, CCCD số: 044071005041 Địa chỉ: 14 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0916 543 665 - 0915 621 266	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				60.180.000	21.431.100	391.000	82.002.100	
						60.180.000	21.431.060	391.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>60.180.000</u>				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 968-1, TĐĐ 211, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	10,2	5.900.000		60.180.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 968, tờ bản đồ số 33, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 30/05/2025 cho ông Trần Xuân Lộc và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>21.431.060</u>			
*	Tài sản tạo lập năm 2012, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,6m KT= 1,6 x 3 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 2 (chiều cao tường vượt quy định 0,2m)	m ²	4,80	1.292.000			6.201.600			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT KT= 0,5 x 0,5 x 2,6 x 2 trụ	m ³	1,30	8.533.000			11.092.900			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 1,7 x 1,8	m ²	3,06	1.076.000			3.292.560			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 2 x 2	m ²	4,00	211.000			844.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							<u>391.000</u>		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
17	Ông: Trần Văn Cơ, CCCD số: 044077002987 Bà: Lê Thị Oanh, CCCD số: 044176003104 Địa chỉ: TDP 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0794 489 325	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				1.741.600	3.327.000	9.273.200	14.341.800	
						1.741.600	3.327.000	9.273.160		
A	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>1.741.600</u>				
Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024										
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa số 423-1, TBD 209, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	31,1	56.000		1.741.600				Đồng bằng
Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10, được UBND TP Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 20/06/2017 cho ông, bà Trần Văn Cơ - Lê Thị Oanh và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận										
Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới										
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>3.327.000</u>			
*	Căn cứ theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Bạch đàn Φ15cm	cây	17,00	34.000			578.000			Mục 2.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Bạch đàn Φ20cm	cây	7,00	158.000			1.106.000			Mục 2.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Xoan Φ25cm	cây	2,00	284.400			568.800			Mục 2.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Xoan Φ30cm	cây	1,00	347.600			347.600			Mục 2.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Tre bụi > 40 Cây	bụi	2,00	363.300			726.600			Mục 5.E - PL.1, QĐ12/2025
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							<u>9.273.160</u>		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ôn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 108 của Luật Đất đai 2024; khoản 3 Điều 20, NĐ 88/2024/NĐ-CP và khoản 4, Điều 11, QĐ 30/2026/QĐ-UBND. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Quyết định số 12/2025/NQ-HĐND. Mức hỗ trợ không vượt quá 50.000.000đ. Cụ thể: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 10\% = 5.600\text{đ}/\text{m}^2$	m ²	31,1	5.600				174.160		
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại Điều 22, NĐ 88/2024/NĐ-CP và Khoản 1, Điều 13, QĐ 30/2026/QĐ-UBND. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Quyết định số 12/2025/NQ-HĐND. Cụ thể: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 5 \text{ lần} = 280.000\text{đ}/\text{m}^2$	m ²	31,1	280.000				8.708.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: $30.000\text{đ}/\text{lệ phí} + 210.000\text{đ}/\text{phí} + 151.000\text{đ}/\text{giá dịch vụ công} = 391.000\text{đ}$	giấy	1,00	391.000				391.000		
18	Ông: Phan Bảo Long, CCCD số: 066201010305 Địa chỉ: Phường Buon Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk Số điện thoại liên hệ: 0914 433 777	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				138.886.000	42.502.600	391.000	181.779.600	
						138.886.000	42.502.600	391.000		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>138.886.000</u>				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 675(1), TBĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	21,4	6.490.000		138.886.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 675, tờ bản đồ số 31, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 18/01/2024 cho ông Phan Bảo Long và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						42.502.600			
*	Tài sản tạo lập năm 2012, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,6m KT= 1,6 x 16 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 2 (chiều cao tường vượt quy định 0,2m)	m ²	25,60	1.292.000			33.075.200			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 2,6 x 5	m ²	13,00	211.000			2.743.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Mít trồng 8 năm	cây	1,00	1.818.500			1.818.500			Mục 7.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	5,00	206.700			1.033.500			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ10cm	cây	1,00	2.742.400			2.742.400			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mưng Φ15cm	cây	1,00	1.090.000			1.090.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
19	Ông: Đậu Văn Tiến, CCCD số: 042063007254 Địa chỉ: TDP Bắc Nghĩa - Phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0983 574 623	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				2.360.000	0	391.000	2.751.000	
						2.360.000	0	391.000		
A	Bồi thường về đất					2.360.000				

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 861-1, TBĐ 208, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	0,4	5.900.000		2.360.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 861, tờ bản đồ số 30, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 19/01/2022 cho ông Đậu Văn Tiến và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						0			
-	Hiện trạng không có tài sản									
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
20	Ông: Trần Văn Hoài, CCCD số: 044082000108 và bà: Nguyễn Thị Hạnh, CCCD số: 044188000497 Địa chỉ: 94 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0898 555 113	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				556.960.000	121.377.400	391.000	678.728.400	
						556.960.000	121.377.433	391.000		
A	Bồi thường về đất					556.960.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 220-1, TBĐ 209, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	94,4	5.900.000		556.960.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 10, được UBND TP Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 11/09/2014 cho ông, bà Trần Văn Hoài - Nguyễn Thị Hạnh và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						121.377.433			
*	Tài sản tạo lập năm 2017, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024; Tài sản nằm ngoài phạm vi thu hồi, bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,3m KT= 1,3 x 30,5 Đơn giá: 1.190.000đ - 51.000đ (chiều cao tường thấp hơn so với chiều cao quy định 0,1m)	m ²	39,65	1.139.000			45.161.350			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT tô trát hoàn chỉnh (trụ cổng chính) KT= 0,5 x 0,5 x 3,2 x 2 trụ	m ³	1,60	8.533.000			13.652.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kèm hàn sắt đặc, trên hàn chông nhọn (cửa cổng chính) KT= 2,6 x 2,4	m ²	6,24	1.182.000			7.375.680			Phụ lục I - Mục B - IV - 9, QĐ23/2026
-	Trụ cổng xây gạch chỉ (trụ cổng phụ) KT= 0,3 x 0,3 x 2,2 x 2 trụ	m ³	0,396	2.501.000			990.396			Phụ lục I - Mục B - VI - 26, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kèm không có ray kéo (cửa cổng phụ) KT= 1 x 1,2	m ²	1,20	1.076.000			1.291.200			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Mái che lợp tôn, khung vì kèo sắt hộp kèm, trụ BTCT, nền láng bê tông xi măng KT= 7,2 x 7,0 Trong đó: + Trong phạm vi. KT= 3,3 x 7,0 Trong đó: + Ngoài phạm vi. KT= 3,9 x 7,0	m ²	50,40	771.000			38.858.400			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
	Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 06/05/2026)									
-	Bàn thờ trời tấm đan BTCT, trụ BTCT									
+	Tấm đan BTCT KT= 0,1 x 0,8 x 0,8 x 1 tấm	m ³	0,064	6.683.000			427.712			Phụ lục I - Mục B - VI - 4, QĐ23/2026

(Chữ ký và dấu)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
+	Trụ BTCT KT= 0,3 x 0,3 x 1,5	m ³	0,135	8.533.000			1.151.955			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 6,3 x 3,3 + 4,5 x 3,3	m ²	35,64	211.000			7.520.040			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Bưởi trồng 6 năm	cây	1,00	1.999.500			1.999.500			Mục 1.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mãng cầu trồng 6 năm	cây	2,00	206.700			413.400			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Ổi trồng 6 năm	cây	1,00	317.400			317.400			Mục 15.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Ổi trồng 3 năm	cây	2,00	423.200			846.400			Mục 15.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ5cm	cây	2,00	685.600			1.371.200			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
21	Ông: Nguyễn Khánh Huy, CCCD số: 044079001202 Địa chỉ: 35 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 7 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0989 266 269	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				397.188.000	487.411.700	391.000	884.990.700	
						397.188.000	487.411.703	391.000		
A	Bồi thường về đất					397.188.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 415-1, TBĐ 209, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	61,2	6.490.000		397.188.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 415, tờ bản đồ số 31, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 14/06/2024 cho ông Nguyễn Khánh Huy và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						487.411.703			
*	Tài sản tạo lập năm 2022, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024; Tài sản nằm ngoài phạm vi thu hồi, bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT; bô trụ BTCT tô trát hoàn chỉnh trên không có hoa sắt vuông chông nhọn, đắp chỉ phào, sơn 2 mặt. Chiều cao 2,7m KT= 2,7 x 22 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 13 (chiều cao tường vượt quy định 1,3m)	m ²	59,40	1.853.000			110.068.200			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
+	Tường sơn giả đá không bả tính thêm KT= 2,7 x 22 x 2 mặt	m ²	118,80	100.000			11.880.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây kín không có khe thoáng, sơn 2 mặt. Chiều cao 2,5m KT= 2,5 x 22 Đơn giá: 1.032.000đ + 49.000đ x 11 (chiều cao tường vượt quy định 1,1m)	m ²	55,00	1.571.000			86.405.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.15, QĐ23/2026
+	Tường sơn không bả tính thêm KT= 2,5 x 22 x 2 mặt	m ²	110,00	100.000			11.000.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT tô trát hoàn chỉnh sơn giả đá không bả, trên đồ dầm BTCT, sàn BTCT, lợp ngói loại 11v/m ²									
+	Trụ cổng BTCT KT= 0,7 x 0,7 x 4,2 x 2 trụ	m ³	4,116	8.533.000			35.121.828			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Trụ sơn giả đá không bả tính thêm KT= 0,7 x 4,2 x 4 mặt x 2 trụ	m ²	23,52	100.000			2.352.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026

[Chữ ký] *[Chữ ký]* *[Chữ ký]* *[Chữ ký]*

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
+	Dầm BTCT trên công KT= 0,25 x 0,35 x 5,2	m ³	0,455	8.329.000			3.789.695			Phụ lục I - Mục B - VI - 3, QĐ23/2026
+	Dầm son giả đá không bả tính thêm KT= (0,25 + 0,35) x 5,2 x 2 mặt	m ²	6,24	100.000			624.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
+	Sàn BTCT trên lợp ngói loại 11v/m ² trên công KT= 2,4 x 5,2	m ²	12,48	2.008.000			25.059.840			Phụ lục I - Mục B - VI - 44,1, QĐ23/2026
+	Sàn son giả đá không bả tính thêm KT= 2,4 x 5,2	m ²	12,48	100.000			1.248.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 3,7 x 2,7	m ²	9,99	1.076.000			10.749.240			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Nhà kết cấu đơn giản móng xây đá hộc, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh cao 4m, mái lợp tôn, cửa sắt, nền đổ bê tông láng xi măng KT= 5,0 x 6,0 Trong đó: + Trong phạm vi. KT= 0,8 x 6,0 Trong đó: + Ngoài phạm vi. KT= 4,2 x 6,0 Đơn giá: 2.126.000đ + 32.000đ x 13 (chiều cao tường vượt quy định 1,3m)	m ²	30,00	2.542.000			76.260.000			Phụ lục I - Mục A - II - 9, QĐ23/2026
Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 06/05/2026)										
-	Sân bê tông xi măng, trên lát gạch men 400x400 KT= 20 x 1,4	m ²	28,00	211.000			5.908.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch men 400x400 tính thêm KT= 20 x 1,4	m ²	28,00	276.000			7.728.000			Phụ lục I - Mục B - I - 2.1, QĐ23/2026
-	Bơ trồng 6 năm (3 cây sát tường rào)	cây	7,00	4.455.200			31.186.400			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Măng cầu trồng 6 năm (4 cây sát tường rào)	cây	8,00	206.700			1.653.600			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bưởi trồng 6 năm (sát tường rào)	cây	6,00	1.999.500			11.997.000			Mục 1.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Ổi trồng 4 năm	cây	6,00	423.200			2.539.200			Mục 15.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Nhãn trồng 9 năm (3 cây sát tường rào)	cây	5,00	3.615.900			18.079.500			Mục 8.B - PL.1, QĐ12/2025

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Vú sữa trồng 6 năm (2 cây sát tường rào)	cây	5,00	1.928.600			9.643.000			Mục 12.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ10cm (sát tường rào)	cây	8,00	2.742.400			21.939.200			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mưng Φ30cm	cây	2,00	1.090.000			2.180.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
22	Ông: Trần Văn Diển, CCCD số: 044052004762 và bà: Trần Thị Đào, CCCD số: 044156003113 Địa chỉ: 61 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0966 113 164	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				250.160.000	50.635.200	391.000	301.186.200	
						250.160.000	50.635.220	391.000		
A	Bồi thường về đất					250.160.000				
Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024										
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 818-1, TBĐ 211, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	42,4	5.900.000		250.160.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 818, tờ bản đồ số 31, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 12/09/2024 cho ông, bà Trần Văn Diển - Trần Thị Đào và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận										
Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới										
B	Bồi thường tài sản trên đất						50.635.220			
*	Tài sản tạo lập năm 2012, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									

(Chữ ký và dấu)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,5m KT= 1,5 x 12,2 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ (chiều cao tường vượt quy định 0,1m)	m ²	18,30	1.241.000			22.710.300			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT KT= 0,4 x 0,4 x 3m x 2 trụ	m ³	0,96	8.533.000			8.191.680			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm hàn hoa văn sắt đặc có ray kéo KT= 2,2m x 3,2	m ²	7,04	1.206.000			8.490.240			Phụ lục I - Mục B - IV - 7, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng, trên lát gạch men 400x400 KT= 2 x 4	m ²	8,00	211.000			1.688.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch men 400x400 tính thêm KT= 2 x 4	m ²	8,00	276.000			2.208.000			Phụ lục I - Mục B - I - 2.1, QĐ23/2026
-	Mít trồng 10 năm	cây	5,00	1.212.300			6.061.500			Mục 7.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Măng cầu trồng 2 năm	cây	5,00	120.100			600.500			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ4cm	cây	5,00	137.000			685.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							<u>391.000</u>		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
23	Ông: Trần Văn Phúc, CCCD số: 044084011474 và bà: Nguyễn Thị Thanh Nga, CCCD số: 044193008973 Địa chỉ: 61 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0966 113 164	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				103.840.000	18.480.000	391.000	122.711.000	
						103.840.000	18.480.000	391.000		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>103.840.000</u>				

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 819-1, TBĐ 211, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	17,6	5.900.000		103.840.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 819, tờ bản đồ số 31, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 29/12/2023 cho ông, bà Trần Văn Phúc - Nguyễn Thị Thanh Nga và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						18.480.000			
*	Tài sản tạo lập năm 2012, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,5m KT= 1,5 x 9 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ (chiều cao tường vượt quy định 0,1m)	m²	13,50	1.241.000			16.753.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Mít trồng 12 năm	cây	1,00	1.212.300			1.212.300			Mục 7.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Măng cầu trồng 3 năm	cây	2,00	120.100			240.200			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ3cm	cây	2,00	137.000			274.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
24	Bà: Nguyễn Thị Thiên, CCCD số: 044138000282 Con trai: Nguyễn Dũng (người đại diện), CCCD số: 079068031485 Địa chỉ: Phường Sài Gòn Quận 1 - TP Hồ Chí Minh Số điện thoại liên hệ: 0907 711 333	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				54.870.000	12.477.000	391.000	67.738.000	
						54.870.000	12.477.000	391.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>54.870.000</u>				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 780-1, TĐĐ 209, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	9,3	5.900.000		54.870.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 780, tờ bản đồ số 32, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 24/01/2022 cho bà Nguyễn Thị Thiên và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>12.477.000</u>			
*	Tài sản tạo lập năm 2015, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào xây gạch, đá; tường xây gạch, bô trụ gạch 220x220. Chiều cao 1,2m KT= 1,2 x 8,2 Đơn giá: 1.177.000đ - 51.000đ x 2 (chiều cao tường thấp hơn so với chiều cao quy định 0,2m)	m ²	9,84	1.075.000			10.578.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.22, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 3,0 x 3,0	m ²	9,00	211.000			1.899.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							<u>391.000</u>		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
25	Ông: Nguyễn Văn Thuận, CCCD số: 040065003636 và bà: Lê Thị Lân, CCCD số: 044171002734 Địa chỉ: 19 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0392 383 877	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				288.510.000	188.615.500	1.173.000	478.298.500	
						288.510.000	188.615.498	1.173.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>288.510.000</u>				
	<i>Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024</i>									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 881-1, TĐĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	11,7	5.900.000		69.030.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	<i>Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 32, được VPĐKKĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 04/08/2023 cho ông, bà Nguyễn Văn Thuận - Lê Thị Lân và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận</i>									
	<i>Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới</i>									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 927-1, TĐĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	30,0	5.900.000		177.000.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	<i>Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 927, tờ bản đồ số 32, được VPĐKKĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 22/04/2024 cho ông, bà Nguyễn Văn Thuận - Lê Thị Lân và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận</i>									
	<i>Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới</i>									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 928-1, TĐĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	7,2	5.900.000		42.480.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	<i>Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 928, tờ bản đồ số 32, được VPĐKKĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 22/04/2024 cho ông, bà Nguyễn Văn Thuận - Lê Thị Lân và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận</i>									
	<i>Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới</i>									
	Tổng diện tích thu hồi	m²	48,9							
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>188.615.498</u>			
*	<i>Tài sản tạo lập năm 2020 và 2021, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024</i>									
	Thửa 928-1, TĐĐ 210									
-	Trụ cổng BTCT, ốp đá Granit đỏ Ấn Độ, trên đồ sân BTCT, mái lợp ngói loại 11v/m ²									

Đã *28/4* *16/4* *Shuu*

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
+	Trụ cổng BTCT KT= 0,6 x 0,6 x 4,0 x 2 trụ	m ³	2,88	8.533.000			24.575.040			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Ốp trụ đá Granit đỏ Ấn Độ KT= 0,6 x 4 x 4,0 x 2 trụ	m ²	19,20	1.318.000			25.305.600			Phụ lục I - Mục B - II - 8.7.1, QĐ23/2026
+	Sàn BTCT trên cổng trên lợp ngói loại 11v/m ² KT= 1,6 x 4,8	m ²	7,68	2.008.000			15.421.440			Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 3,5 x 3,0	m ²	10,50	1.076.000			11.298.000			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
	Thửa 927-1, TBD 210									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m, trên gắn lưới B40 cọc sắt cao 0,7m KT= 1,7 x 15,6 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	26,52	1.343.000			35.616.360			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
+	lưới B40 cọc sắt cao 0,7m trên tường rào	m	26,52	149.000			3.951.480			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.5, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 2,5 x 3,5	m ²	8,75	211.000			1.846.250			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Huê Φ10cm	cây	6,00	155.400			932.400			Mục 8.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Mít trồng 5 năm	cây	3,00	2.424.700			7.274.100			Mục 7.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	11,00	206.700			2.273.700			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bơ trồng 4 năm	cây	3,00	4.455.200			13.365.600			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ10cm	cây	5,00	2.742.400			13.712.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Hoa giấy cao 2m	cây	3,00	60.000			180.000			Mục 20.F - PL.1, QĐ12/2025
	Thửa 881-1, TBD 210									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m, trên gắn lưới B40 cọc sắt cao 0,7m KT= 1,7 x 10,4 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	17,68	1.343.000			23.744.240			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ BTCT treo dây điện KT= 0,25 x 0,25 x 7m x 1 trụ	m ³	0,4375	8.533.000			3.733.188			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Bơ trồng 4 năm	cây	1,00	4.455.200			4.455.200			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	3,00	206.700			620.100			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Huê Φ10cm	cây	2,00	155.400			310.800			Mục 8.D - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							1.173.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	3,00	391.000				1.173.000		
26	Ông: Nguyễn Xuân Triển, CCCD số: 044058006682 Địa chỉ: 07 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0974 601 190	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				556.960.000	579.925.200	391.000	1.137.276.200	
						556.960.000	579.925.208	391.000		
A	Bồi thường về đất					556.960.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 838-1, TĐĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	94,4	5.900.000		556.960.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 838, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 25/11/2024 cho ông Nguyễn Xuân Triển và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						579.925.208			
*	Tài sản tạo lập năm 2019, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây đá hộc; tường xây gạch; trên không có hoa văn chông nhọn; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 3m KT= 3 x 24 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 16 (chiều cao tường vượt quy định 1,6m)	m ²	72,00	2.006.000			144.432.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, ốp đá Granit tự nhiên KT= 0,7 x 0,7 x 3,8m x 2 trụ	m ³	3,724	8.533.000			31.776.892			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Ốp trụ đá Granit đỏ Ấn Độ KT= 0,7 x 4 x 2,8 x 2 trụ	m ²	15,68	1.318.000			20.666.240			Phụ lục I - Mục B - II - 8.7.1, QĐ23/2026
-	Mái cổng: dầm, mái BTCT trên lợp ngói 11v/m ² KT= 7,2 x 1,8	m ²	12,96	2.008.000			26.023.680			Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
-	Trần cổng đóng lam ri gỗ N2 KT= 1,6 x 7	m ²	11,20	1.826.000			20.451.200			Phụ lục I - Mục B - V - 3, QĐ23/2026
-	Cửa cổng gỗ N2 có trang trí hoa văn KT= 4,6 x 2,8	m ²	12,88	1.380.000			17.774.400			Phụ lục I - Mục B - IV - 10, QĐ23/2026
-	Sân BTXM trên lát gạch đất nung 400x400 KT= 5,2 x 4,8	m ²	24,96	211.000			5.266.560			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
+	Gạch đất nung tính thêm KT= 5,2 x 4,8	m ²	24,96	217.000			5.416.320			Phụ lục I - Mục B - I - 3.9, QĐ23/2026
-	Am thờ cổ lâu 2 tầng cao 4,1m; móng BTCT; dầm, giằng, cột đổ BTCT; mái thượng, mái hạ đổ BTCT tại chỗ; tường xây tô trát hoàn chỉnh, mái lợp ngói mũi hài, có trang trí hoa văn cầu kỳ KT= 1,1 x 1,1	m ²	1,21	7.560.000			9.147.600			Phụ lục II - Mục 9, QĐ23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
+	Giao kích thước 15x20	cái	8,00	800.000			6.400.000			Phụ lục II - Mục 10.17.9, QĐ23/2026
+	Mặt nguyệt kích thước 20x25	cái	1,00	800.000			800.000			Phụ lục II - Mục 10.17.13, QĐ23/2026
-	Trụ thờ BTCT KT= 0,4 x 0,4 x 1,2	m ³	0,192	8.533.000			1.638.336			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Tấm đan bê thờ KT= 1,4 x 1,4 x 0,15	m ³	0,294	6.830.000			2.008.020			Phụ lục I - Mục B - VI - 4, QĐ23/2026
-	Gạch Granit ấn độ KT= 1,4 x 1,4	m ²	1,96	1.318.000			2.583.280			Phụ lục I - Mục B - II - 8.7.1, QĐ23/2026
-	Hòn non bộ làm bằng đá tự nhiên, xây dựng đơn giản KT= (3 x 3,7 x 2,2) + (2 x 1 x 1,5)	m ³	27,42	1.480.000			40.581.600			Phụ lục I - Mục B - VI - 24, QĐ23/2026
-	Bể chứa nước đáy đổ BT, thành xây tô trát hoàn chỉnh KT= 3,2 x 2m x 1	m ³	6,40	985.000			6.304.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 16.4, QĐ23/2026
-	Trụ BTCT (cổng phụ) KT= 0,4 x 0,4 x 3m x 2 trụ	m ³	24,96	8.533.000			212.983.680			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Lồng đèn 01 tầng trên trụ tường rào bằng xi măng sơn màu	cái	7,00	1.500.000			10.500.000			Phụ lục II - Mục 10.17.20, QĐ23/2026
-	Cọ trồng 12 năm, cao trên 2m	cây	3,00	2.550.000			7.650.000			Mục 15.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Huê Φ10cm	cây	2,00	155.400			310.800			Mục 8.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Huê Φ30cm	cây	1,00	975.300			975.300			Mục 8.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Trúc bụi 20 cây	bụi	1,00	181.700			181.700			Mục 5.E - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ2-4cm	cây	5,00	137.000			685.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Sanh Φ20cm	cây	3,00	545.000			1.635.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Sanh Φ10cm	cây	5,00	270.000			1.350.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Sung Φ2m	cây	1,00	179.200			179.200			Mục 2.F - PL.1, QĐ12/2025

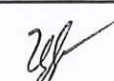
Handwritten signatures and marks at the bottom of the page.

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Mung Ø5cm	cây	2,00	85.000			170.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Đinh lăng 5 năm	bụi	2,00	29.700			59.400			Mục 10.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Nhất chi mai cao 1,7m	cây	2,00	987.500			1.975.000			Mục 14.F - PL.1, QĐ12/2025
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
27	Ông: Nguyễn Ngọc Tâm, CCCD số: 044065000907 Địa chỉ: 40 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0889 629 656	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				234.820.000	108.023.600	391.000	343.234.600	
						234.820.000	108.023.600	391.000		
A	<u>Bồi thường về đất</u>					234.820.000				
	<u>Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024</u>									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 402-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	39,8	5.900.000		234.820.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 402, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 23/02/2024 cho ông Nguyễn Ngọc Tâm và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						108.023.600			
*	Tài sản tạo lập năm 2012, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m KT= 1,7 x 26 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	44,20	1.343.000			59.360.600			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT xây tô trát hoàn chỉnh KT= 0,5 x 0,5 x 3,2 x 2 trụ	m ³	1,60	8.533.000			13.652.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm hàn sắt đặc, trên hàn chông nhọn KT= 2,5 x 2,2	m ²	5,50	1.182.000			6.501.000			Phụ lục I - Mục B - IV - 9, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 1,0 x 3,4	m ²	3,40	211.000			717.400			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	12,00	206.700			2.480.400			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bơ trồng 8 năm	cây	3,00	3.760.400			11.281.200			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Ôi trồng 4 năm	cây	5,00	423.200			2.116.000			Mục 15.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ3-5cm	cây	11,00	137.000			1.507.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ10cm	cây	3,00	2.742.400			8.227.200			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mưng Φ20cm	cây	2,00	1.090.000			2.180.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
28	Ông: Nguyễn Văn Nông, CCCD số: 045062000150 và bà: Nguyễn Thị Thanh Mai, CCCD số: 044165000801 Địa chỉ: 07 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0974 601 190	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				376.420.000	76.333.500	391.000	453.144.500	
						376.420.000	76.333.532	391.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
A	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>376.420.000</u>				
	<u>Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024</u>									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 913-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	63,8	5.900.000		376.420.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	<i>Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 913, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 22/01/2024 cho ông, bà Nguyễn Văn Nông - Nguyễn Thị Thanh Mai và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận</i>									
	<i>Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới</i>									
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>76.333.532</u>			
*	<u>Tài sản tạo lập năm 2016, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024</u>									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây blo trên không có hoa sắt; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,8m KT= 1,8 x 15 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 4 (chiều cao tường vượt quy định 0,4m)	m ²	27,00	1.394.000			37.638.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT KT= 0,5 x 0,5 x 3,2 x 2 trụ	m ³	1,60	8.533.000			13.652.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng khung sắt kẽm hàn hoa văn sắt đặc trên hàn chông nhọn KT= 2,9 x 2,2	m ²	6,38	1.182.000			7.541.160			Phụ lục I - Mục B - IV - 9, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 3,5 x 3,2	m ²	11,20	211.000			2.363.200			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Hồ chứa nước đáy BTCT, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh KT= 1,8 x 2,2 x 0,6	m ³	2,376	1.047.000			2.487.672			Phụ lục I - Mục B - VI - 16.3, QĐ23/2026
-	Ôi trồng 4 năm	cây	1,00	423.200			423.200			Mục 15.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mít trồng 10 năm	cây	1,00	1.212.300			1.212.300			Mục 7.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mãng cầu trồng 4 năm	cây	1,00	206.700			206.700			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025

TT	Họ và tên: Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Huê Φ15cm	cây	1,00	157.900			157.900			Mục 8.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Sim trồng 4 năm	bụi	2,00	168.500			337.000			Mục 4.E - PL.1, QĐ12/2025
-	Sanh Φ5cm	cây	1,00	42.500			42.500			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mừng Φ5cm	cây	2,00	85.000			170.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mừng Φ15cm	cây	2,00	1.090.000			2.180.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mừng Φ35cm	cây	1,00	2.740.000			2.740.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ2-4cm	cây	4,00	137.000			548.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Hoa giấy cao >1,5m	cây	5,00	250.000			1.250.000			Mục 20.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Nguyệt quế cao 1,7m	cây	1,00	987.500			987.500			Mục 14.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Nhất chi mai cao >1m	cây	2,00	987.500			1.975.000			Mục 14.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Đình lăng 6 năm	bụi	10,00	29.700			297.000			Mục 10.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Vạn tuế thân cao 20cm	bụi	1,00	123.600			123.600			Mục 5.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
29	Ông: Nguyễn Văn Phong, CCCD số: 044085001573 và bà: Hoàng Thị Hà Nhi, CCCD số: 044189012156 Địa chỉ: 20 Võ Xuân Cẩn - TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0905 805 508	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				91.450.000	16.046.000	391.000	107.887.000	
						91.450.000	16.045.964	391.000		
A	Bồi thường về đất					91.450.000				



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 914-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	15,5	5.900.000		91.450.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 914, tờ bản đồ số 32, được VPĐKKĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 22/01/2024 cho ông, bà Nguyễn Văn Phong - Hoàng Thị Hà Nhi và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>16.045.964</u>			
*	<u>Tài sản tạo lập năm 2016, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024</u>									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây blo trên không có hoa sắt; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,8m KT= 1,8 x 5 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 4 (chiều cao tường vượt quy định 0,4m)	m²	9,00	1.394.000			12.546.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Am thờ ngoài trời xây bê tông xi măng hoa văn đúc sẵn KT= 0,4 x 0,4 x 1m	cái	1,0	1.690.000			1.690.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 53, QĐ23/2026
+	Trụ am BTCT KT= 0,3 x 0,3 x 1,2	m³	0,108	8.533.000			921.564			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Mưng Φ5cm	cây	2,00	85.000			170.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Hoa giấy cao 1m	cây	3,00	60.000			180.000			Mục 20.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Xoan Φ15cm	cây	2,00	34.000			68.000			Mục 2.D - PL.1, QĐ12/2025
-	Đình lăng 4 năm	bụi	2,00	29.700			59.400			Mục 10.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ2-4cm	cây	3,00	137.000			411.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>						<u>391.000</u>			

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
30	Ông: Phan Văn Nhật, CCCD số: 044078002795 Và bà: Hoàng Thị Nga, CCCD số: 044184012317 Địa chỉ: 46 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0389 360 417	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				113.870.000	80.934.000	391.000	195.195.000	
						113.870.000	80.934.030	391.000		
A	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>113.870.000</u>				
Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024										
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 554-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	19,3	5.900.000		113.870.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 554, tờ bản đồ số 32, được UBND TP Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 26/05/2015 cho ông, bà Phan Văn Nhật - Hoàng Thị Nga và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận										
Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới										
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>80.934.030</u>			
*	<u>Tài sản tạo lập năm 2013, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024</u>									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,8m KT= 1,8 x 4 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 4 (chiều cao tường vượt quy định 0,4m)	m ²	7,20	1.394.000			10.036.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, tường ốp gạch men 600x600 KT= 0,6 x 0,6 x 4,0 x 2 trụ	m ³	2,88	8.533.000			24.575.040			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026

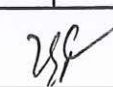
(Chữ ký và dấu)

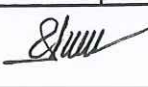
TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
+	Tường ốp gạch men 600x600 KT= 0,6 x 4 mặt x 3 x 2 trụ	m ²	14,40	344.000			4.953.600			Phụ lục I - Mục B - II - 8.2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 6,4 x 3,6	m ²	23,04	1.076.000			24.791.040			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Mái che lợp tôn, khung sườn sắt, trụ BTCT, nền láng xi măng trên lát gạch men 400x400 KT= 1,7 x 10,5	m ²	17,85	771.000			13.762.350			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch men 400x400 tính thêm KT= 1,7 x 6,0	m ²	10,20	276.000			2.815.200			Phụ lục I - Mục B - I - 2.1, QĐ23/2026
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
31	Ông: Phan Văn Nhật, CCCD số: 044078002795 Địa chỉ: 46 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0389 360 417	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				54.870.000	26.337.600	391.000	81.598.600	
						54.870.000	26.337.612	391.000		
A	Bồi thường về đất					54.870.000				
Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024										
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 555-1, TBĐ 210, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	9,3	5.900.000		54.870.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 555, tờ bản đồ số 32, được UBND TP Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 26/05/2015 cho ông Phan Văn Nhật và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận										
Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>26.337.612</u>			
*	Tài sản tạo lập năm 2013, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024; Tài sản nằm ngoài phạm vi thu hồi, bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,8m KT= 1,8 x 4 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 4 (chiều cao tường vượt quy định 0,4m)	m ²	7,20	1.394.000			10.036.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Mái che lợp tôn, khung sườn sắt, trụ BTCT, nền láng xi măng trên lát gạch men 400x400 KT= 1,7 x 6,6 Trong đó: + Trong phạm vi. KT= 1,4 x 6,6 Trong đó: + Ngoài phạm vi. KT= 0,3 x 6,6	m ²	11,22	771.000			8.650.620			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026
	Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 06/05/2026)									
+	Nền lát gạch men 400x400 tính thêm KT= 1,7 x 6,6	m ²	11,22	276.000			3.096.720			Phụ lục I - Mục B - I - 2.1, QĐ23/2026
-	Kè móng xây đá hộc xanh KT= 0,8 x 0,4 x 6,6	m ³	2,112	2.156.000			4.553.472			Phụ lục I - Mục B - VI - 10, QĐ23/2026
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							<u>391.000</u>		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
32	Ông: Đặng Thanh Tùng, CCCD số: 044084003805 và bà: Lê Thị Mỹ Nương, CCCD số: 044185003898 Địa chỉ: Xuân Dục 2 - Xã Trường Ninh Số điện thoại liên hệ: 0915 000 073	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				47.790.000	0	391.000	48.181.000	
						47.790.000	0	391.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>47.790.000</u>				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 223-1, TBĐ 211, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	8,1	5.900.000		47.790.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 33, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 06/05/2025 cho ông, bà Đặng Thanh Tùng - Lê Thị Mỹ Nhung và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>0</u>			
-	Hiện trạng không có tài sản						0			
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							<u>391.000</u>		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
33	Ông: Hà Thiện Khả, CCCD số: 044056006559 và bà: Hoàng Thị Châu Loan, CCCD số: 044160005430	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				78.470.000	57.716.300	391.000	136.577.300	
	Địa chỉ: TDP 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0906 513 789					78.470.000	57.716.270	391.000		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>78.470.000</u>				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 746-1, TBĐ 211, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	13,3	5.900.000		78.470.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 746, tờ bản đồ số 33, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 27/05/2024 cho ông, bà Hà Thiện Khả - Hoàng Thị Châu Loan và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						57.716.270			
*	Tài sản tạo lập năm 2013, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,9m KT= 1,9 x 11 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 5 (chiều cao tường vượt quy định 0,5m)	m ²	20,90	1.445.000			30.200.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, tô trát hoàn chỉnh KT= 0,5 x 0,5 x 3,5 x 2 trụ	m ³	1,75	8.533.000			14.932.750			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm, trên hàn hoa văn chông nhọn KT= 2,2 x 2,3	m ²	5,06	1.182.000			5.980.920			Phụ lục I - Mục B - IV - 9, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 1,2 x 4	m ²	4,80	211.000			1.012.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	4,00	206.700			826.800			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Cam trồng 4 năm	cây	5,00	952.500			4.762.500			Mục 2.B - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
34	Ông: Bùi Nam Tiến, CCCD số: 044074000236 và bà: Trần Thị Ngân, CCCD số: 044175000271 Địa chỉ: 10 Võ Xuân Cần - Tổ dân phố 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0905 701 899	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				87.910.000	90.908.700	391.000	179.209.700	
						87.910.000	90.908.704	391.000		



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
A	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>87.910.000</u>				
	<i>Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024</i>									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 752-1, TĐĐ 211, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	14,9	5.900.000		87.910.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	<i>Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 752, tờ bản đồ số 33, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 20/02/2024 cho ông, bà Bùi Nam Tiến - Trần Thị Ngân và đã xác nhận tại Công văn số 1461/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/5/2026 của UBND phường Đồng Thuận</i>									
	<i>Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 578/KTHT&ĐT ngày 07/4/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 14/CT-BQL ngày 03/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới</i>									
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>90.908.704</u>			
*	<i>Tài sản tạo lập năm 2014, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024; Tài sản nằm ngoài phạm vi thu hồi, bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15</i>									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT trên hàn sắt chôn nhon, tường ốp gạch men 400x600. Chiều cao 1,9m KT= 1,9 x 6 Đơn giá: 1.421.000đ + 51.000đ x 5 (chiều cao tường vượt quy định 0,5m)	m ²	11,40	1.676.000			19.106.400			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.19, QĐ23/2026
+	Tường ốp gạch men 400x600 tính thêm KT= 0,4 x 6	m ²	2,40	344.000			825.600			Phụ lục I - Mục B - II - 8.2, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, tô trát hoàn chỉnh KT= 0,4 x 0,4 x 3,4 x 2 trụ	m ³	1,088	8.533.000			9.283.904			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 2,2 x 2,6	m ²	5,72	1.076.000			6.154.720			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Mái che khung sườn sắt, mái lợp tôn, trụ BTCT, nền láng xi măng trên lát gạch men 500x500 KT= 6,4 x 7,6 Trong đó: + Trong phạm vi. KT= 1,9 x 7,6 Trong đó: + Ngoài phạm vi. KT= 4,5 x 7,6	m ²	48,64	771.000			37.501.440			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.13, QĐ23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
+	Nền lát gạch men 500x500 tính thêm KT= 6,4 x 7,6	m ²	48,64	326.000			15.856.640			Phụ lục I - Mục B - I - 2.2, QĐ23/2026
	<i>Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Công văn số 500/KTHT&ĐT ngày 12/05/2026 của Phòng KTHT&ĐT phường Đồng Thuận và Biên bản làm việc ngày 06/05/2026)</i>									
-	Mung Φ20cm	cây	2,00	1.090.000			2.180.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
35	Ông: Nguyễn Hữu Bình, CCCD số: 044062001147 Bà: Hoàng Thị Huyền, CCCD số: 044169001375 Địa chỉ: 37 Võ Xuân Cẩn, TDP 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0912 944 459	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				344.560.000	111.162.000	391.000	456.113.000	
						344.560.000	111.162.030	391.000		
A	<u>Bồi thường về đất</u>					344.560.000				
	<i>Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024</i>									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 35(1), TĐĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	58,4	5.900.000		344.560.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	<i>Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 31, được UBND TP Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 11/05/2007 cho ông, bà Nguyễn Hữu Bình - Hoàng Thị Huyền và đã xác nhận tại Công văn số 385/UBND-KTHT&ĐT ngày 31/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận</i>									
	<i>Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới</i>									
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						111.162.030			
*	<i>Tài sản tạo lập năm 2010, 2016 và 2020, phục vụ sinh hoạt, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024</i>									

Handwritten signatures and initials:

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,5m KT= 1,5 x 33 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ (chiều cao tường vượt quy định 0,1m)	m ²	49,50	1.241.000			61.429.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, tô trát hoàn chỉnh KT= 0,5 x 0,5 x 3,5 x 2 trụ	m ³	1,75	8.533.000			14.932.750			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 3 x 2,4	m ²	7,20	1.076.000			7.747.200			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 2 x 18	m ²	36,00	211.000			7.596.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Bàn thờ trời trụ xây gạch, trên gắn gạch Granit									
+	Trụ xây gạch bàn thờ trời KT= 0,6 x 0,6 x 1,5	m ³	0,54	8.533.000			4.607.820			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Đá Granit đỏ Ấn Độ trên bàn thờ KT= 0,6 x 1,2 x 1 tấm	m ²	0,72	1.018.000			732.960			Phụ lục I - Mục B - I - 2.5.1, QĐ23/2026
-	Mãng cầu trồng 6 năm	cây	2,00	206.700			413.400			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ12cm	cây	1,00	2.742.400			2.742.400			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mưng Φ35cm	cây	4,00	2.740.000			10.960.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							<u>391.000</u>		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
36	Ông: Hoàng Hữu Thọ Hữu Thọ (Hoàng Hữu Thọ), CCCD số: 044074002777 Bà: Hoàng Thị Kiến Giang, CCCD số: 044174001999 Địa chỉ: TDP 1 Lộc Đại - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0913 376 547	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				602.980.000	23.286.300	391.000	626.657.300	
						602.980.000	23.286.300	391.000		
							602.980.000			
A	Bồi thường về đất									
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 394(1), TĐĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m²	102,2	5.900.000		602.980.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 10, được UBND TP Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 01/10/2014 cho ông, bà Nguyễn Hữu Thọ - Hoàng Thị Kiến Giang và đã xác nhận tại Công văn số 385/UBND-KTHT&ĐT ngày 31/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						23.286.300			
*	Tài sản tạo lập năm 2010, phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Kè móng xây đá học xanh KT= 0,4 x 1 x 20	m³	8,00	2.156.000			17.248.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 10, QĐ23/2026
-	Khế trồng 2 năm	cây	5,00	313.500			1.567.500			Mục 16.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Khế trồng 6 năm	cây	2,00	1.145.400			2.290.800			Mục 16.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Sanh Ø15cm	cây	4,00	545.000			2.180.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		

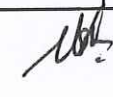
(Chữ ký và dấu)

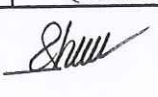
TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
37	Bà: Trần Thị Thu Hà, CCCD số: 044171003603 Địa chỉ: 86 Võ Xuân Cẩn, TDP 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0948 152 725	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				139.240.000	77.298.100	391.000	216.929.100	
						139.240.000	77.298.080	391.000		
A	Bồi thường về đất					139.240.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 747(1), TBĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	23,6	5.900.000		139.240.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 781, tờ bản đồ số 31, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 30/08/2022 cho bà Trần Thị Thu Hà và đã xác nhận tại Công văn số 385/UBND-KTHT&ĐT ngày 31/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						77.298.080			
*	Tài sản tạo lập năm 2015, phục vụ sinh hoạt, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT trên hàn sắt chống nhón. Chiều cao 1,7m KT= 1,7 x 8 Đơn giá: 1.421.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	13,60	1.574.000			21.406.400			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.19, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, tô trát hoàn chỉnh KT= 0,5 x 0,5 x 3,5 x 2 trụ	m ³	1,75	8.533.000			14.932.750			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 2,4 x 2,7	m ²	6,48	1.076.000			6.972.480			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 3,3 x 4,5	m ²	14,85	211.000			3.133.350			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Giếng đào thả buy bê tông phi >1m, nền xi măng	m	10,00	2.651.000			26.510.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 28.5, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT (treo dây điện) KT= 0,2 x 0,2 x 5 x 1 trụ	m ³	0,20	8.533.000			1.706.600			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Bưởi trồng 6 năm	cây	1,00	1.999.500			1.999.500			Mục 1.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Ø2cm	cây	1,00	137.000			137.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Hoa giấy cao 2,5m	cây	2,00	250.000			500.000			Mục 20.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
38	Ông: Trần Thanh Quảng, CCCD số: 044074009740 Bà: Trần Thị Thu Hương (Đặng Thị Thu Hương), CCCD số: 044172006762 Địa chỉ: 84 Võ Xuân Cẩn, TDP 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0948 152 725	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				244.850.000	84.464.300	391.000	329.705.300	
						244.850.000	84.464.320	391.000		
A	Bồi thường về đất					244.850.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 750(1), TBĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	41,5	5.900.000		244.850.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 750, tờ bản đồ số 31, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 07/12/2022 cho ông, bà Trần Thanh Quảng - Đặng Thị Thu Hương và đã xác nhận tại Công văn số 385/UBND-KTHT&ĐT ngày 31/8/2025 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						84.464.320			
*	Tài sản tạo lập năm 2017, phục vụ sinh hoạt, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT trên hàn sắt chông nhọn, tường ốp gạch men 300x600. Chiều cao 1,8m KT= 1,8 x 16 Đơn giá: 1.421.000đ + 51.000đ x 4 (chiều cao tường vượt quy định 0,4m)	m ²	28,80	1.625.000			46.800.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.19, QĐ23/2026
+	Tường ốp gạch men 300x600 tính thêm KT= 1,6 x 8	m ²	12,80	344.000			4.403.200			Phụ lục I - Mục B - II - 8.2, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, tô trát hoàn chỉnh KT= 0,5 x 0,5 x 4 x 2 trụ	m ³	2,00	8.533.000			17.066.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 3,1 x 2,8	m ²	8,68	1.076.000			9.339.680			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng, trên lát gạch men 400x400 KT= 3,4 x 3,8	m ²	12,92	211.000			2.726.120			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch men tính thêm KT= 3,4 x 3,8	m ²	12,92	276.000			3.565.920			Phụ lục I - Mục B - I - 2.1, QĐ23/2026
-	Đu đủ trồng 3 năm	cây	2,00	76.200			152.400			Mục 6.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ3cm	cây	3,00	137.000			411.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							<u>391.000</u>		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
39	Ông: Trần Văn Trị, CCCD số: 044073006421 và bà: Trần Thị Hồng, CCCD số: 044175008677 Địa chỉ: 68 Võ Xuân Cẩn - TDP 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0941 390 471	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				305.030.000	145.135.200	782.000	450.947.200	
						305.030.000	145.135.240	782.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
A	Bồi thường về đất					305.030.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 255(1), TĐĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	18,3	5.900.000		107.970.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 31, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 06/6/2019 cho ông, bà Trần Văn Trị - Trần Thị Hồng và đã xác nhận tại Công văn số 545/UBND ngày 09/6/2025 của UBND xã Lộc Ninh									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 304(1), TĐĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	33,4	5.900.000		197.060.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 10, được UBND TP. Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 29/12/2011 cho ông, bà Trần Văn Trị - Trần Thị Hồng và đã xác nhận tại Công văn số 545/UBND ngày 09/6/2025 của UBND xã Lộc Ninh									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
	Tổng diện tích thu hồi	m²	51,7							
B	Bồi thường tài sản trên đất						145.135.240			
*	Tài sản tạo lập năm 2009 và 2012, phục vụ sinh hoạt, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
	Thửa 255(1), TĐĐ 31									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,4m KT= 1,4 x 7	m ²	9,80	1.190.000			11.662.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng xây gạch, tô trát hoàn chỉnh KT= 0,4 x 0,4 x 2,5 x 2 trụ	m ³	0,80	2.501.000			2.000.800			Phụ lục I - Mục B - VI - 26, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 3 x 5	m ²	15,00	211.000			3.165.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Bể chứa nước KT= 1 x 2 x 0,8	m ³	1,60	1.275.000			2.040.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 16.2, QĐ23/2026



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	1,00	206.700			206.700			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Đinh lăng trồng 3 năm	bụi	6,00	29.700			178.200			Mục 10.F - PL.1, QĐ12/2025
	Thửa 304(1), TĐĐ 31									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,6m; ốp đá Granit tự nhiên tạo hoa văn trên hàn sắt hộp kẽm chông nhọn. Chiều cao 1,8m KT= 1,6 x 8 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 2 (chiều cao tường vượt quy định 0,2m)	m ²	12,80	1.292.000			16.537.600			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
+	Ốp tường đá Granit đỏ Ấn Độ KT= 7,5 x 1,5 x 2 mặt	m ²	22,50	1.318.000			29.655.000			Phụ lục I - Mục B - II - 8.7.1, QĐ23/2026
+	Sắt hộp kẽm chông nhọn trên tường rào cao 1,8m KT= 8 x 1,8 Đơn giá: 558.000đ + 49.000đ x 4 (chiều cao tường vượt quy định 0,4m)	m ²	14,40	754.000			10.857.600			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.12, QĐ23/2026
-	Giàn cột, khung sườn làm bằng sắt KT= 3 x 8	m ²	24,00	115.000			2.760.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 22, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, ốp đá Granit đỏ Ấn Độ									
+	Trụ cổng BTCT KT= 0,5 x 0,5 x 3,8 x 2 trụ	m ³	1,90	8.533.000			16.212.700			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Ốp trụ đá Granit KT= 0,25 x 2,2 x 4 x 2 trụ	m ²	4,40	1.318.000			5.799.200			Phụ lục I - Mục B - II - 8.7.1, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 3,2 x 2,5	m ²	8,00	1.076.000			8.608.000			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng, trên lát gạch men 400x400 KT= 3 x 3	m ²	9,00	211.000			1.899.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
+	Nền lát gạch men 400x400 tính thêm KT= 3 x 3	m ²	9,00	276.000			2.484.000			Phụ lục I - Mục B - I - 2.1, QĐ23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Nhà kho thông thường xung quanh xây gạch cao 2,7m, mái lợp tôn, cửa sắt. Nền bê tông láng xi măng KT= 3,2 x 6,2	m ²	19,84	1.566.000			31.069.440			Phụ lục I - Mục A - II - 2, QĐ23/2026
C	Các khoản hỗ trợ							782.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	2,00	391.000				782.000		
40	Ông: Nguyễn Đình Phúc, CCCD số: 044070000333 và bà: Nguyễn Thị Năm, CCCD số: 044172009510 Địa chỉ: 51A Trung Thuận - TDP 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0974 064 782	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				138.237.000	85.204.400	391.000	223.832.400	
						138.237.000	85.204.420	391.000		
A	Bồi thường về đất					138.237.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 258(1), TBĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	21,3	6.490.000		138.237.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền
	<i>Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 617, tờ bản đồ số 31, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 02/11/2020 cho ông, bà Nguyễn Đình Phúc - Nguyễn Thị Năm và đã xác nhận tại Công văn số 545/UBND ngày 09/6/2025 của UBND xã Lộc Ninh</i>									
	<i>Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới</i>									
B	Bồi thường tài sản trên đất						85.204.420			
*	Tài sản tạo lập năm 2010, phục vụ sinh hoạt, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,4m KT= 1,4 x 18	m ²	25,20	1.190.000			29.988.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Cột trụ BTCT KT= 0,2 x 0,2 x 6 x 1 trụ	m ³	0,24	8.533.000			2.047.920			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 1,7 x 2	m ²	3,40	211.000			717.400			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Mái che lợp fibro, nền láng xi măng KT= 3 x 3,4 Trong đó: + Trong phạm vi. KT= 0,5 x 3,4 Trong đó: + Ngoài phạm vi. KT= 2,5 x 3,4	m ²	10,20	321.000			3.274.200			Phụ lục I - Mục B - VI - 45.11, QĐ23/2026
Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Biên bản làm việc ngày 28/08/2025)										
-	Nhà máy xay sát gạo, móng xây blo kết hợp tường xây blo cao 2,7m, mái lợp fibro, cửa gỗ N3, nền bê tông láng xi măng KT= 5 x 5,6 Trong đó: + Trong phạm vi. KT= 1,7 x 5,6 Trong đó: + Ngoài phạm vi. KT= 3,3 x 5,6	m ²	28,00	1.566.000			43.848.000			Phụ lục I - Mục A - II - 2, QĐ23/2026
Bồi thường toàn bộ tài sản đối với phần trong phạm vi và phần ngoài phạm vi thu hồi. (Căn cứ Biên bản làm việc ngày 28/08/2025)										
-	Di dời 3 bộ máy xay sát trong kho (tháo, lắp máy)	công	6,00	285.500			1.713.000			Mục 2 - I QĐ78/QĐ-SXD
-	Nhãn trồng 9 năm	cây	1,00	3.615.900			3.615.900			Mục 8.B - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
41	Ông: Nguyễn Ngọc Anh, CCCD số: 052062000060 và bà: Lê Thị Thanh Thủy, CCCD số: 044166008453 Địa chỉ: 90 Võ Xuân Cẩn - TDP 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0374 377 947	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				247.918.000	67.242.100	391.000	315.551.100	
						247.918.000	67.242.074	391.000		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
A	<u>Bồi thường về đất</u>					247.918.000				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 395(1), TĐĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	38,2	6.490.000		247.918.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ số 10, được UBND TP.Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 31/12/2014 cho ông, bà Nguyễn Ngọc Anh - Lê Thị Thanh Thúy và đã xác nhận tại Công văn số 545/UBND ngày 09/6/2025 của UBND xã Lộc Ninh									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						67.242.074			
*	Tài sản tạo lập năm 2010, phục vụ sinh hoạt, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,7m KT= 1,7 x 12 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	20,40	1.343.000			27.397.200			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT KT= 0,45 x 0,45 x 3,9 x 2 trụ	m ³	1,58	8.533.000			13.477.874			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 3 x 8,5	m ²	25,50	211.000			5.380.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Bể chứa nước, đáy bê tông, thành xây gạch KT= 1,2 x 1,5 x 0,8	m ³	1,44	1.275.000			1.836.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 16.2, QĐ23/2026
-	Nhãn trồng 9 năm (trên thửa 405(1), TĐĐ 31)	cây	3,00	3.615.900			10.847.700			Mục 8.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bưởi trồng 5 năm	cây	3,00	1.999.500			5.998.500			Mục 1.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Hoa giấy cao 1,5m	cây	2,00	60.000			120.000			Mục 20.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Bồ đề Ø5cm (trên thửa 405(1), TĐĐ 31)	cây	3,00	42.500			127.500			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Ø5cm	cây	3,00	685.600			2.056.800			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							<u>391.000</u>		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
42	Bà: Nguyễn Hải Sâm, CCCD số: 044158007007 Địa chỉ: 63 Võ Xuân Cẩn - TDP 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0395 718 159	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				570.648.000	124.615.500	1.173.000	696.436.500	
						570.648.000	124.615.469	1.173.000		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>570.648.000</u>				
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 501(1), TBĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	29,2	6.490.000		189.508.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 501, tờ bản đồ số 31, được UBND TP.Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 21/09/2021 cho bà Nguyễn Hải Sâm và đã xác nhận tại Công văn số 545/UBND ngày 09/6/2025 của UBND xã Lộc Ninh									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 502(1), TBĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	33,1	5.900.000		195.290.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 502, tờ bản đồ số 31, được UBND TP.Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 21/09/2021 cho bà Nguyễn Hải Sâm và đã xác nhận tại Công văn số 545/UBND ngày 09/6/2025 của UBND xã Lộc Ninh									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 503(1), TBĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	31,5	5.900.000		185.850.000				Đường Võ Xuân Cẩn, một mặt tiền

br

shuu

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 503, tờ bản đồ số 31, được UBND TP.Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất ngày 21/09/2021 cho bà Nguyễn Hải Sâm và đã xác nhận tại Công văn số 545/UBND ngày 09/6/2025 của UBND xã Lộc Ninh									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
	Tổng diện tích thu hồi	m ²	93,8							
B	Bồi thường tài sản trên đất						124.615.469			
*	Tài sản tạo lập năm 2010 và 2013, phục vụ sinh hoạt, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
	Thửa 501(1), TBD 31									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,5m KT= 1,5 x 10,6 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ (chiều cao tường vượt quy định 0,1m)	m ²	15,90	1.241.000			19.731.900			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT KT= 0,45 x 0,45 x 3 x 2 trụ	m ³	1,215	8.533.000			10.367.595			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm, trên chông nhon hàn sắt đặc KT= 2,3 x 2,4	m ²	5,520	1.182.000			6.524.640			Phụ lục I - Mục B - IV - 9, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 2,5 x 3,3	m ²	8,250	211.000			1.740.750			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Am thờ trời bê tông xi măng hoa văn đúc sẵn KT= 0,8 x 0,8 x 1	Cái	1,0	1.690.000			1.690.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 53, QĐ23/2026
+	Trụ BTCT để am KT= 0,25 x 0,25 x 1,5	m ³	0,09375	8.533.000			799.969			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
-	Bàn thờ trời trụ xây gạch, trên gắn gạch Ceramic									
+	Trụ xây gạch bàn thờ trời KT= 0,3 x 0,3 x 1,5	m ³	0,135	8.533.000			1.151.955			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Gạch men 600x600 bàn thờ trời KT= 0,6 x 0,6	m ²	0,36	326.000			117.360			Phụ lục I - Mục B - I - 2.2, QĐ23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Giếng khoan sâu <12m (khoan bằng máy), (địa hình đồng bằng)	cái	1,00	7.385.000			7.385.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 28.9, QĐ23/2026
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	1,00	206.700			206.700			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Bơ trồng 6 năm	cây	1,00	4.455.200			4.455.200			Mục 17.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ3cm	cây	4,00	137.000			548.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ5-8cm	cây	2,00	685.600			1.371.200			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Hoa giấy cao 1,6m	cây	2,00	60.000			120.000			Mục 20.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Hoa hồng cao 1m	bụi	3,00	29.700			89.100			Mục 10.F - PL.1, QĐ12/2025
	Thửa 502(1), TĐĐ 31									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,5m KT= 1,5 x 12 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ (chiều cao tường vượt quy định 0,1m)	m ²	18,00	1.241.000			22.338.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 2 x 9,5	m ²	19,00	211.000			4.009.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Vú sữa trồng 6 năm	cây	2,00	1.928.600			3.857.200			Mục 12.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	1,00	206.700			206.700			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Chanh trồng 4 năm	cây	1,00	952.500			952.500			Mục 2.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Khế trồng 7 năm	cây	1,00	1.145.400			1.145.400			Mục 16.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ3cm	cây	4,00	137.000			548.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ5cm	cây	3,00	685.600			2.056.800			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
	Thửa 503(1), TĐĐ 31									




TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,5m KT= 1,5 x 13 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ (chiều cao tường vượt quy định 0,1m)	m ²	19,50	1.241.000			24.199.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Chuồng bò xây gạch đá các loại, nền láng xi măng mác 150, lợp fibro, chuồng cao 2,4m KT= 2,2 x 4,5	m ²	9,90	718.000			7.108.200			Phụ lục I - Mục B - VI - 50.3, QĐ23/2026
-	Măng cầu trồng 6 năm	cây	7,00	206.700			1.446.900			Mục 11.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Sung Ø15cm	cây	2,00	119.400			238.800			Mục 2.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Đinh lăng trồng 3 năm	bụi	3,00	29.700			89.100			Mục 10.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Hoa giấy cao 1,5m	cây	2,00	60.000			120.000			Mục 20.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							1.173.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	3,00	391.000				1.173.000		
43	Ông: Nguyễn Bá Sáu, CCCD số: 044070001865 Địa chỉ: 37 Võ Xuân Cẩn - Tổ dân phố 7 Phú Xá - phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0969 238 854	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				162.250.000	105.461.100	391.000	268.102.100	
						162.250.000	105.461.100	391.000		
A	Bồi thường về đất					162.250.000				
Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024										
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 5(1), TĐĐ 32, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	25,0	6.490.000		162.250.000				Đường Võ Xuân Cẩn, tiếp giáp hai mặt tiền
Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 32, được VPĐKĐĐ tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 17/3/2025 cho ông Nguyễn Bá Sáu và đã xác nhận tại Công văn số 1049/UBND-KTHT&ĐT ngày 15/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						105.461.100			
*	Tài sản tạo lập năm 2012 phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,9m KT= 1,9 x 23 Đơn giá: 1.190.000đ + 51.000đ x 5 (chiều cao tường vượt quy định 0,5m)	m²	43,70	1.445.000			63.146.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Giếng thả buy bê tông cốt thép đường kính trong > 1m, nền bê tông láng xi măng	m	13,00	2.651.000			34.463.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 28.5, QĐ23/2026
-	Chanh trồng 4 năm	cây	2,00	952.500			1.905.000			Mục 2.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Xoài trồng 5 năm	cây	1,00	1.428.600			1.428.600			Mục 13.B - PL.1, QĐ12/2025
-	Mai Φ5-9cm	cây	5,00	685.600			3.428.000			Mục 4.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Mưng Φ20cm	cây	1,00	1.090.000			1.090.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
C	Các khoản hỗ trợ							391.000		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
44	Ông: Nguyễn Ngọc Sinh, CCCD số: 044073001491 và bà: Lê Thị Minh Hà, CCCD số: 044181004918 Địa chỉ: 44 Cao Thắng - Tổ dân phố 8 Phú Xá - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0989 680 468	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				262.920.000	328.767.800	391.000	592.078.800	
						262.920.000	328.767.820	391.000		
A	Bồi thường về đất					262.920.000				

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai 2024									
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 503(1), TBĐ 33, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	31,3	8.400.000		262.920.000				Đường Cao Thắng, tiếp giáp hai mặt tiền
	Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 503, tờ bản đồ số 33, được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 13/5/2019 cho ông, bà Nguyễn Ngọc Sinh - Lê Thị Minh Hà và đã xác nhận tại Công văn số 1049/UBND-KTHT&ĐT ngày 15/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận									
	Đơn giá bồi thường đất được Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Thuận cung cấp phương án giá đất tại Công văn số 282/KTHT&ĐT ngày 16/03/2026 kèm theo Chứng thư định giá đất số 07/CT-BQL ngày 11/03/2026 của Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới									
B	Bồi thường tài sản trên đất						328.767.820			
*	Tài sản tạo lập năm 2016 phục vụ đời sống, bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 và Điều 103 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây đá hộc, tường xây gạch tô trát hoàn chỉnh, sơn màu, đổ mái BTCT tạo giả ngói, phía trên có hoa sắt vuông chông nhọn, trụ giằng BTCT cao 2,8m. Trên có hàn hoa văn sắt đặc chông nhọn cao 1,7m KT= 2,8 x 35 Đơn giá: 1.421.000đ + 51.000đ x 14 (chiều cao tường vượt quy định 1,4m)	m ²	98,00	2.135.000			209.230.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.19, QĐ23/2026
+	Tường sơn không bả tính thêm KT= 2,8 x 35 x 2 mặt	m ²	196,00	100.000			19.600.000			Phụ lục I - Mục B - II - 6.2, QĐ23/2026
+	Mái BTCT trên tường rào KT= 0,5 x 0,2 x 20	m ³	2,00	2.008.000			4.016.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 44.1, QĐ23/2026
+	Trên hàn khung sắt đặc gắn chông nhọn 2 lớp cao 1,7m KT= 1,7 x 35 Đơn giá: 676.000đ + 49.000đ x 3 (chiều cao tường vượt quy định 0,3m)	m ²	59,50	823.000			48.968.500			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.13, QĐ23/2026
-	Kè móng xây gạch chỉ (rãnh thoát nước) KT= 0,22 x 0,6 x 35	m ³	4,62	2.156.000			9.960.720			Phụ lục I - Mục B - VI - 10, QĐ23/2026
-	Hồ chứa nước đáy bê tông, tô trát hoàn chỉnh KT= (6,7 x 3 x 1,4) + (1 x 2 x 1,4)	m ³	30,94	685.000			21.193.900			Phụ lục I - Mục B - VI - 16.6, QĐ23/2026
-	Tùng la hán Φ15cm	cây	11,00	1.090.000			11.990.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Tùng la hán Φ25cm	cây	1,00	1.090.000			1.090.000			Mục 6.F - PL.1, QĐ12/2025

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Thiên tuế Φ40cm, chiều cao thân 2,5m	cây	2,00	123.600			247.200			Mục 5.F - PL.1, QĐ12/2025
-	Cau vua Φ20cm	bụi	5,00	494.300			2.471.500			Mục 8.F - PL.1, QĐ12/2025
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							<u>391.000</u>		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý giấy CNQSD đất (Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 15, QĐ 30/2026/QĐ-UBND). Đơn giá được quy định tại Nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐND ngày 26/06/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/09/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai. Cụ thể: 30.000đ/lệ phí + 210.000đ/phí + 151.000đ/giá dịch vụ công = 391.000đ	giấy	1,00	391.000				391.000		
45	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Hữu Cung Ông: Nguyễn Văn Đức - Giám đốc HTX (đại diện) CCCD số: 044057000898 Địa chỉ: 47A Võ Xuân Cẩn - TDP 9 Hữu Cung - Phường Đồng Thuận Số điện thoại liên hệ: 0904 602 584	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				0	123.654.500	0	123.654.500	
						0	123.654.490	0		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					<u>0</u>				
	Không được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai năm 2024									
-	Đất thương mại, dịch vụ (TMD), thửa số 29(1), TBĐ 31, vị trí 1, phường Đồng Thuận	m ²	95,2			0				
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						<u>123.654.490</u>			
*	Tài sản tạo lập năm 2006, bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 102 Luật Đất đai 2024									
-	Tường rào móng xây gạch, đá; tường xây gạch; trụ, giằng BTCT. Chiều cao 1,4m KT= 1,4 x 50	m ²	70,00	1.190.000			83.300.000			Phụ lục I - Mục B - VI - 19.20, QĐ23/2026
-	Trụ cổng BTCT, ốp gạch men 600x600 KT= 0,6 x 0,6 x 3,5 x 2 trụ	m ³	2,52	8.533.000			21.503.160			Phụ lục I - Mục B - VI - 2, QĐ23/2026
+	Ốp trụ gạch men 600x600 KT= 0,6 x 4 x 2,5 x 2 trụ	m ²	12,00	344.000			4.128.000			Phụ lục I - Mục B - II - 8.2, QĐ23/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Cửa cổng sắt hộp kẽm không có ray kéo KT= 4,7 x 2,4	m ²	11,28	1.076.000			12.137.280			Phụ lục I - Mục B - IV - 8, QĐ23/2026
-	Sân bê tông xi măng KT= 4,7 x 2,5	m ²	11,75	211.000			2.479.250			Phụ lục I - Mục B - VI - 18.1, QĐ23/2026
-	Dừa trồng 20 năm	cây	1,00	106.800			106.800			
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									
46	UBND phường Đồng Thuận	Làm tròn số (đến hàng trăm đồng)				0	0	0	0	
						0	0	0		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>					0				
Không được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2024										
-	Đất bằng chưa sử dụng (BCS), thửa đất số 913-1, TĐĐ 211	m ²	39,2			0				
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 882, TĐĐ 209	m ²	18,3			0				
	Tổng diện tích thu hồi	m ²	57,5							
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>						0			
-	Hiện trạng không có tài sản						0			
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>							0		
Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ						9.169.236.600	4.154.431.500	29.605.200	13.353.273.300	

(Bằng chữ: Mười ba tỷ, ba trăm năm mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm đồng./.) *Shu*

BN

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Hương Giang